

Bác - ST NGUYỄN - VĂN - THỌ

KHẢO - LUẬN

và

PHÊ - BÌNH

Học - Thuyết Không - Tử

IN LẦN THỨ NHẤT

1960

THỊ - HỘI CỜ - HỌC ĐÀ - NẴNG
XUẤT - BẢN

Bác-Sĩ **NGUYỄN - VĂN - THỌ**

KHẢO-LUẬN

và

PHÊ - BÌNH

Học-Thuyết Không-Tử

PHI - LỘ

Ôn cố nhi tri tân

(Luận-Ngữ Vi-Chính câu 11 trang 20)

Sống ở cuối thế-kỷ 20 mà bàn một chuyện quá cổ, quá xưa, xưa từ 25 thế-kỷ, xưa từ đời Chu Mạt, từ cuối đời Hồng-Bàng thoát tiên ngỗ là lạc-hậu lỗi thời. Nhưng nếu xét rằng chân-lý không có thời-gian tuổi-tác và con người tuy đã tiến nhiều về phương-diện ý-trí, nhưng chưa tiến bao lắm về phương diện tâm-tình, đức-độ, nếu xét rằng chúng ta không thể nào khinh khi được kho-tàng tư-tưởng quý báu của tiền-nhân, không thể nào xua được dĩ-vãng ra khỏi hiện-tại, thì khảo-luận về Học-thuyết Không-Tử là một điều vẫn rất hợp thời.

Hơn nữa khảo-sát lại một học-thuật tượng-trung cho cả một tinh-thần dân-tộc Đông-Phương, nghiên-cứu lại tư-tưởng của một vị thánh-nhân mà như EDOUARD CHAVANNES viết trong Ba-Lê Tọa-Chí năm

1903, đã chi-phối lịch-sử học-thuật Á-Đông trong mấy ngàn năm, đã nhào nặn con tim khối óc biết bao thế-hệ, đã chứng - kiến bao cuộc suy-vong tàn - tạ của nhiều Vương triều; của nhiều học-thuyết, đã được suy-tôn ở Trung-Hoa, Triều-Tiên, Việt-Nam, Nhật-Bản; (1) nghiên-cứu một học-thuyết có thể đem lại cho ta những thú-vị mới mẻ, những quan-điểm mới mẻ, những kiến-thức mới mẻ, nếu ta lĩnh-hội cho đúng đắn, thì đó là một việc rất hữu ích.

Chúng ta sẽ lần lượt khảo-sát từng vấn-đề :

- 1.— Bối-cảnh địa-dư
- 2.— Bối-cảnh lịch-sử
- 3.— Tiều-sử Đức Khổng
- 4.— Học thuyết Khổng Tử
- 5 — Sự biến thiên của Khổng Giáo qua các thời đại
- 6.— Phê-bình, tổng-luận

(1) Confucius, Revue de Paris, 15 Février 1903 page 827 — 844
Sagesse chinoise et Philosophie chrétienne par Henri Bernard
maitre page 27.

BỐI - CẢNH ĐỊA - DƯ

Như sông Gange và sông Indus đã ngưng đọng nền văn-minh Ấn-Độ, như sông Tigre và sông Euphrate đã chứng - kiến một thời - kỳ huy-hoàng trong lịch-sử nước Babylonie, sông Hoàng-Hà và sông Dương-Tử cũng đã đem lại văn-minh thịnh-vượng cho Trung-Hoa.

Sông Hoàng-Hà uy-nghi dưới ngòi bút của Lý-Thái-Bạch :

— Quân bất kiến Hoàng-Hà chi thủy, thiên thượng lai, bốn lưu đảo hải bất phục hồi :

*Anh chẳng thấy Hoàng-Hà nước nọ
Tự trên trời chảy đổ ra khơi,
Ra khơi thôi thế là thôi,
Về nguồn trở lại có đời nào đâu*

(Đường Thi Trần-Trọng Kim trang 97)

Sông Hoàng-Hà dũng-mãnh đã tràn ngập Trung-Quốc và làm cho Vua Thuấn, Vua Vũ đã mất bao nhiêu công trị thủy (1).

Sông Hoàng-Hà linh-diệu đã đem bao nhiêu đất đỏ phì-nhiều từ các vùng cao-nguyên hiểm-trở xuống để lấp một quãng bể bao-la từ Sơn-Tây ra tới bờ bể ngày nay, đem người Trung-Hoa từ các cao-nguyên xuống, và bình nguyên nó đã thành trung-tâm Trung-Quốc, kết tụ lại tất cả những huy-hoàng tráng-lệ về tinh-thần, vật-chất Trung-Hoa (2).

Sông Dương-Tử và phụ-lưu là sông Hán cũng không kém phần mệnh-mang :

(1) Hồng Thủy năm — 2298 : Sông Hoàng-Hà, sông Hoài, sông Dương-Tử cùng lụt, nước ngập khắp bình-nguyên (Textes historiques Wieger page 33).

(2) A une époque relativement récente-du moins dans le sens que les géologues donnent à cet adjectif-cette plaine était un bras de mer dont les vagues venaient battre contre la falaise de Chan-Si, tandis que l'actuelle presque-île de Chan-Tong était une île. Pendant des siècles le Houang Ho a déposé sur cette terre des masses énormes de limon qu'il avait arrachées plus à l'Ouest, au plateau de terre jaune, créant ainsi de toutes pièces un sol alluvial d'une merveilleuse fertilité (Histoire de la Chine-René Grousset page 7).

Kinh Thi đã ca tụng :

— *Hán chi quảng hĩ
Bất khả vĩnh ti.
Giang chi vĩnh hĩ
Bất khả phương ti.*

dịch : — *Mênh mông sông Hán, sông Giang,
Lặn sang chẳng được, bè sang khó lòng.*
(*Kinh Thi Tản-Đà trang 43*)

Rồi đến giải núi Tần-Lĩnh cao ngất trời chia Trung-Hoa làm hai phần Nam, Bắc mà đám mây vắt trên đỉnh cao xa như ấp-ủ tất cả những tình lưu-luyến cố-hương :

— *Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.*

Nguyễn - Du

— Bốn ngọn núi lịch-sử Thái-Sơn, Hằng-Sơn, Hoa-Sơn, Hành-Sơn là chỗ vua tập họp các chư-hầu, mỗi núi dành cho Chư-Hầu một phương.

Nhìn địa-dur chúng ta nhận thấy hai phần phân-biệt :

1.— Một phần là cao-nguyên rừng núi, nơi xưng hùng bá của những nước Tần, Tấn, Tề, Sở, đất phát sinh ra các chiến-sĩ hùng-cường, nguyên da ngựa bọc thây nơi chiến-địa.

2.— Một phần là bình-nguyên qui-tụ văn-minh tinh-thần Trung-Hoa, nhưng chỉ có những nước nhỏ : Lỗ, Vệ, Trần, Tống, Sái v.v...

Và dĩ-nhiên là các nước hùng cứ Bắc Nam đều dồn mắt vào các nước trong Bình-Nguyên hai con sông Hoàng-Hà và Dương-Tử, cho nên bình-nguyên sông Hoàng-Hà và Dương-Tử cũng đã chứng-kiến bao cảnh tàn-phá. Nó « không những được cày bằng cày mà còn bị cày bằng vó ngựa, không những được gieo bằng hạt lúa lại còn bị gieo bằng đầu người và hai dòng sông Hoàng-Hà, Dương-Tử đã được tô-diểm bằng những nàng con gái góa-bụa, đã nở đầy hoa trẻ mồ-côi, những lớp sóng sông Hoàng-Hà và sông Dương-Tử đã dâng lên đầy những nước mắt của người cha già mẹ yếu » (1); đối với những người chinh-phụ mong chông thì :

Nước sông trôi hết xuân gần

Trắng sông cũng lại xẽ lần sang Tây (2).
và đối với Đức Khổng thì bình-nguyên Trung-Hoa cũng đã từng ghi dấu gót phong sương.

(1) Văn-hóa Á-châu số 19 năm thứ 2, 1959 trang 68

(2) iang thủy lưu xuân khứ dục tận

Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà

(Đường Thi Trần-trọng-Kim trang 91)

ĐỒ BIỂU LỊCH - SỬ

Đời	Vua	Đóng Đô
Tiền sử	Phục-Hi-Thần Nông	Trần (Hoài) Khúc-Phụ
Cận sử — 2486	Hoàng - Đế	Trác-Lộc
Sử 2357 — 2255 2255 — 2205	Thời Phong-kiến Nghiêu Thuần	Bình-Dương
Hạ 17 Vua 439 năm 2205 — 1766	Đại-Vũ 2205-2197 Đế-Kiệt 818-1766	An - Ấp
Thương Ân 28 Vua 644 năm 1766 — 1122	Thành Thang 1766 — 1753 Trụ 1154 — 1122	Bạc

Chu
38 Vua
873 năm
(1122 — 249)

Văn-Vương (Thụy-Phong)
Võ-Vương 1122-1115

Bình-Vương 770-719

Linh-Vương 571-544

Phong - Cảo

Lạc-Dương

Lỗ ần-Công 722
Hoàn-Công 711
Trang-Công 693
Mân-Công 661
Hi-Công 659
Vân-Công 626
Tuyên-Công 608
Thành-Công 590

Xuân - Thu
721 — 481

Kinh-Tự
551-479

Nhượng-Công 572
Chiêu-Công 541
Định-Công 509
Ai-Công 494

Chiến
Quốc
481
249

Mạnh - Tử : 372 — 289

Bị chú. — 1 — Niên lịch đây là theo Thông giám Cương mục.

— (Từ năm 827 trước Tây Lịch về trước, sử Tần còn có ghi theo liên lịch ghi trong Trúc thư kỷ niên).

2 — Chỉ ghi Vua đầu Vua cuối đời, hay Vua nào can hệ.

BỐI - CẢNH LỊCH - SỬ

Thời Chu Mạt là thời đế-vương mạt vận, thời phong-kiến vô kỷ-cương.

Còn đâu thời oanh-liệt của vua Nghiêu, vua Thuấn, tuy cũng phong-kiến nhưng uy-quyền đế-vương còn tràn ngập thiên hạ, mỗi năm năm lại rầm-rộ đi tuần-thú thiên-hạ, tới bốn ngọn núi lịch-sử họp Chư-Hầu bốn phương.

Còn đâu cảnh huy-hoàng trật-tự thời Văn-vương, Võ-vương, hùng cứ ở Kiêu-Kinh giữa những sông sâu núi thẳm, đề làm thế ỷ dốc, rồi lập thêm một đô ở Lạc-Dương, triều-kiến Chư-Hầu, sai Bá-Cầm con Châu-Công sang trọng-nhậm nước Lỗ để trấn-áp miền duyên-hải, như vươn hai cánh tay khổng-lồ ôm cả bình-nguyên Trung-Quốc vào trong.

« Than ôi thời oanh-liệt nay còn đâu ». Nay chỉ còn là thời Khuyển Nhung tàn phá đế kinh đề

vua tôi nhà Châu lạc-lỗng dời đô về Lạc-Dương. Nay chỉ còn là thời các Vua Chư Hầu lũng đoạn xưng Hùng, xưng Bá, mưu-mô chém giết, giành giật chính-quyền, là thời cá lớn nuốt cá bé, là thời dân nam man bắc dịch tung vó ngựa đi chinh-phạt Trung-Nguyên.

Kinh Thi đã mô tả thời-kỳ đó bằng những lời thơ thấm-thiết :

Chiến-tranh như mưa bắc tuyết sa đem tề tái và hoang-mang lại lòng người :

Vù vù gió bắc ghé thay

Phay phay mưa tuyết, tuyết bay đầy trời,

Ai ơi, ai có yêu ai

Giắt nhau ta kiếm một nơi về cùng,

Còn gì là cái thung dung,

Sự đời đã giục bên lòng xiết bao (1).

Bầu không-khí chiến-tranh bao trùm khắp nơi :

— *Trống đánh thùy-thuỳnh*

Gươm giáo tập tành

Những ai đắp đất xây thành

Xa nhà xa nước riêng mình sang Nam.

(Kinh Thi Tản-Đà trang 94) (2)

(1) Bắc phong kỳ dề, vũ tuyết kỳ phi. Huệ nhi hiếu ngã, huê thủ đồng qui. Kỳ hư kỳ tề, ký cực chỉ thư. (Kinh Thi Tản Đà trang 132)

(2) Kích cò kỳ đường, dục dục dụng binh. Thô quốc thành Tào. Ngã độc nam hành.

Làm cho con dân đau lòng sinh-ly tử-biệt :

— Tử sinh cách trở đôi nơi

Cùng em anh đã nặng lời từ xưa

Đôi ta những nguyện cùng già

Cầm tay thuở ấy bây giờ chưa quên.

(Kinh Thi Tản-Đà trang 96)

Nhưng :

— Cùng nhau thôi đã cách xa

Sống đâu còn đến thân ta hơi mình !

Thề xưa còn đó rành rành

Nay thôi anh đã phụ tình cùng em.

(Kinh Thi Tản-Đà trang 96) (1)

Những Vua nước nhỏ, nước nhà tan-tác, cùng
bọn vong-thần vất-vưởng nước người.

Đến nỗi :

— Áo cừu đã rách tả tơi

Bánh xe nào phải không dờn sang Đông.

Ai ơi chẳng giúp nhau cùng

Tủi thân hèn mọn đau lòng lưu-ly.

Ai ơi, ai chỉ cười khi

(Kinh Thi Tản-Đà trang 119-120) (2)

(1) Tử sinh khế khoát, dờ tử thành thuyết.

Chấp tử chi thủ, dử tử giai lão.

Hu ta khoát hề, bất ngã hoạt hề, hu ta tuân hề, bất ngã thân hề.

(2) Hồ cừu mông nhung, phi xa bất đông. Thúc hề bá hề, mý sở dử đồng. Tỏa hề vỹ hề, lưu ly chi tử. Thúc hề bá hề, rừu như xung nhĩ.

Dân thì khổ sở, nghèo túng : cái nghèo túng đó được mô tả trong bài « Xuất tỵ Bắc môn »

— Từ trong cửa Bắc bước ra
 Lòng lo trăm nỗi cho ta ngậm ngùi.
 Phận sao nghèo khó suốt đời
 Nỗi ta ta biết ai người biết ta.
 Đành thôi còn nói chi mà !
 Giờ kia bảo vậy biết là làm sao.

(Kinh Thi Tản-Đà trang 129-130) (1)

Thêm vào đó :

— Việc Vua trút mãi cho mình
 Lại còn cái nỗi gia-đình càng thêm.
 Ra thời công việc như ném,
 Vào thời kẻ trách người dèm một ta.
 Đành thôi còn nói chi mà
 Giờ kia bảo vậy biết là làm sao (2).

-
- (1) — Xuất tỵ bắc môn, ưu tâm ân ân, chung lú thả bản mạc tri ngã gian. Dĩ yên tai. Thiên thực vi chi, vị chi hà tai.
 (2) — Vương sự thích ngã, chính sự nhất tỳ ích ngã. Ngã nhập tỵ ngoại, thất nhân giao biến trích ngã. Dĩ yên tai. Thiên thực vi chi, vị chi hà tai.

TIÊU - SỬ ĐỨC KHỔNG

Giữa lúc thiên-hạ quay cuồng trong khói lửa, con người thả lỏng lòng tham, đem kinh-hoàng reo-rắc khắp nơi thì Đức Khổng ra đời, đem lại cho dân Trung-Hoa ý-nghĩa mới mẻ về cuộc đời và một viễn-tượng Hòa-bình xây-dựng trên nền móng « Cải thiện nhân tâm » « trật-tự » « Hòa-hợp ».

Ngài sinh năm 551 trước Thiên Chúa Giáng Sinh, năm 21 đời Linh - Vương nhà Chu, năm 22 đời Tương-Công nước Lô, vào khoảng cuối đời Hồng-Bàng, đồng thời với các tiên-tri Ezéchiel, Daniel bên Do-Thái, triết-gia Zoroastre bên Ba-Tư, Pythagore và Solon bên Hy-Lạp, Đức Phật bên Ấn-Độ, Lão-Tử bên Trung-Hoa.

Ngài sinh tại làng Xương-Bình, huyện Khúc-Phụ nước Lô, họ Khổng tên Khâu, tự Trọng-Ni,

người đời sau xưng Khổng-Tử hay Khổng-Phu-Tử.

Cuộc đời Ngài đã được mô-tả đầy đủ trong Sử-ký Tư-mã-Thiên. Đây xin tóm thành 4 thời-kỳ :

1.— *Thời-kỳ thơ ấu và tráng niên từ 1 đến 30 tuổi* : thời-kỳ côi cút, nghèo nàn, ham làm, ham học.

2.— *Thời-kỳ trưởng-thành* : Từ 30 đến 50 tuổi : thời kỳ lập chí học đạo, sang Châu, sang Tề khảo-sát phong-tục, lễ-nhạc, nghiên-cứu sách vở tiền nhân.

3.— *Thời-kỳ giảng giáo bằng phương-pháp chính-trị* : từ 50 đến 68.

Hoặc chấp chánh tại Lỗ

Hoặc chu-du trong thiên-hạ.

4.— *Thời-kỳ giảng giáo bằng phương-pháp giáo-dục môn-đề* : từ 68 đến 73.

Hai thời-kỳ sau là thời-kỳ quan-trọng ta sẽ lược khảo.

Ngài viết : « Ngũ thập tri thiên mệnh » tức là 50 tuổi mới biết rõ về con người, về định-mệnh con người, mới tìm ra chân lý, ra đạo, nên từ đó ta thấy Ngài trở nên hoạt-động phi-thường.

Cũng có lúc làm quan nước Lỗ, từ chức Trung-Đô-Tể cho đến chức Nhiếp-Tướng-Sự, hết lòng đem đạo-giáo dạy dân, cảnh thái-thịnh, hòa-bình, trật-tự, bầu không-khí đạo-giáo đã bao trùm nước Lỗ. Nhưng sau Vua Lỗ mắc kế mỹ-nhân của Án-Anh nước Tề đắm say đắm nữ sắc, Ngài liền bỏ đi du-thuyết các nước, lúc đó đã 56 tuổi.

Ngài mỗi chân đi lại nhiều nước trong khắp vùng bình-nguyên Hoàng-Hà — Dương-Tử, Bắc thì lên tới sông Hoàng-Hà giáp địa-phận nước Tấn, Nam thì tiến đến nước Sái, nước Sở mà không vua nào chịu dùng. Trên con đường rao truyền đạo-lý Ngài đã gặp bao gian khổ :

- Bị vây ở đất Khuông (1)
- Thầy trò lạc nhau ở đất Trịnh
- Bị mưu sát ở đất Tống (2)
- Bị cản-trở ở đất Bồ
- Bị bao vây đến tuyệt lương-thực ở giữa nước Trần, nước Sái (3).

Nếm biết bao mùi vị đắng cay của thất bại :

-
- (1) Luận-Ngữ Tử-Hàn IX câu 5 trang 134 (các dẫn chứng Tứ thư đều trích bộ Tứ thư Đoàn-Trung-Còn) Tiên Tảo XI câu 22 trang 172
- (2) Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 22 trang 108
- (3) Luận-Ngữ Vệ-Linh-Công XV câu 1 trang 238

- Vua chúa lừng-khùng không ai chịu nghe
- Quần thần dèm pha mưu hại
- Các ần-sì chê bai (1).

Thật là « Bình sinh phong-vũ lãng tắng thậm », đời phong-sương luống trải mấy gió mưa.

Nhưng gian lao là trường rèn luyện chí-khí : ta có thể bình-luận quãng đời phong-trần của Đức Khổng bằng lời văn của Mạnh-Tử :

« Trời kia sắp sửa giao cho ai nhiệm-vụ lớn tất trước làm cho khổ chí, nhọc gân cốt, đói thể xác, cùng túng cái thân ; động làm gì thì làm cho trái loạn ý mình muốn. Trời khiến thế là dễ khích-động cái tâm, kiên-nhẫn cái tính, bổ-khuyết những chỗ còn sơ xuất » (2).

Năm Ngài 68 tuổi, Quý-Khang-Tử nước Lô thay mặt Vua Ai-Công cho mời Ngài về.

Ngài về cố-quốc sau 15 năm phiêu-bạt. Thật là :

(1) Luận-Ngữ Hiển Vĩ XIV câu 41 và 42 trang 232
Luận-Ngữ Vi Tử câu 5 trang 286 và tiếp theo

(2) Cổ thiên tương giáng đại nhiệm ư thị nhân dã, tất tiêu khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, ngã kỳ thể phu, không pháp kỳ thân, hành phạt loạn kỳ sở vi. Sở dĩ động tâm nhẫn tính tắng ích kỳ sở bất năng). (Cáo Tử Chương Cú Hạ, Mạnh Tử 213)

Ta từ viễn xứ trở về,
 Chân trời vẫn dáng mây thề năm xưa.
 Giòng sông nước vẫn lơ đờ,
 Con đò năm trước bây giờ thay mui.
 Gió qua sóng vỗ tay cười,
 Sao lay động, nguyệt chìm xuôi theo giòng.
 Trăng chưa vàng giấc mộng lòng,
 Nước xanh chưa hẹn thành công với đời.
 Đã lâu trắng lạ nước người,
 Ngàn thiên nước độc, phương trời một ta.
 Bụi đường ố áo hào hoa,
 Mây lia xa tóc, màu da hôn hoàng..

(Nhất Sơn Vú-Quang-Hân)

Ngài đã già... Ngài về Lỗ không phải để dự quốc-chính nữa mà là để truyền đạo bằng cách dạy học và đồng thời khảo-sát, san-định kinh điển. Ngài hoạt-dộng vô cùng :

1.— Khảo-sát lễ-nghi của ba thời-đại Hạ, Thương, Chu

2.— Khảo-sát lý-thuyết về nhạc và chia nhạc ra làm hai loại : Nhã (Hymne sacré)
 Tụng (Musique classique)

3.— San-định kinh Thi

4.— Khảo-sát chính-trị và đề-xương thuyết Vương Đạo.

5.— Khảo-cứu kinh Dịch

Dạy Thi, Thư, Lễ, Nhạc cho ba ngàn học trò. chú-trọng về vấn-đề Văn, Hạnh, Trung, Tín (1),

Năm 71 tuổi viết kinh Xuân - Thu là cuốn Sử.Ký đầu tiên có niên hiệu mạch lạc từ đời Lỗ-Ân-Công đến Lỗ-Ai-Công gồm 240 năm (từ 721 đến 481 trước Tây Lịch.

Năm 479 trước Tây Lịch, một hôm Ngài dậy sớm đi tiêu-dao trước cửa, tay chống gậy mà hát :

« Thái-Sơn kỳ đồi hồ, lương mộc kỳ hoại hồ, triết nhân kỳ nuy hồ»

dịch : « Ôi non Thái bạt ngàn, lương mộc nát tan, triết nhân suy tàn ! »

Hát xong Ngài vào ngồi giữa cửa. Tử-Cống đến, Ngài kể chuyện chiêm-bao sắp chết. Được mấy hôm thì mất, thọ 73 tuổi. Mộ Ngài hiện nay ở Khổng - Lâm, thuộc huyện Khúc - Phụ, Sơn-Đông.

Tư-mã-Thiên sau khi thuật sự-tích Đức Khổng có phê-bình :

« Tôi đọc sách họ Khổng, tưởng-tượng như trông thấy cách làm người của thầy. Sang Lỗ

(1) Từ di từ giáo : Văn, Hạnh, Trung, Tín

(Luận-Ngữ — Thuật Nhi VII câu 24 trang 110).

xem nhà thờ Trọng-Ni, nào xe, nào áo, nào đồ thờ, các học trò thời thường đến đó tập lễ. Tôi bồi-hồi ở lại không dứt ra về được Trong đời, vua chúa cho đến người tài giỏi kể nhiều lắm, sống thì vẻ-vang, nhưng chết rồi thì hết.

Thầy Khổng áo vải, truyền hơn 10 đời mà học-giả vẫn tôn-trọng. Tự Thiên-Tử đến Vương-Hầu ở Trung-Quốc này, nói đến sáu kinh, đều phải lấy thầy làm chuẩn-đích. Thật là Bạc Chi Thánh vậy ».

(Khổng-Tử thế gia thiên XVIII Sử-Ký Tư-mâ-Thiên)

Câu trên tuy là cảm-tưởng nhưng cũng là tổng-luận về thân-thế sự-nghiệp Đức Khổng. Nếu cần thêm về nguyện-vọng Đức Khổng, thiết tưởng chỉ nên dẫn-chứng câu của Nhiễm - Hữu môn-đệ của Ngài :

« Đạo Ngài dễ truyền-bá cho quần-chúng trăm họ... Nếu muốn đạo ấy thực - hiện mà dùng Ngài, Ngài sẽ tận tâm hành đạo không màng lợi phong ấp ngàn xã (1) »

Đạo đó là đạo gì mà làm cho Ngài mê say, quên cả danh lợi, ta hãy thử xét xem.

(1) Dụng chi hữu danh, bá chi bách tính...
Cầu chi ư thử đạo, tuy lụy thiên xã, phu tử bất lợi dã
(Sử-ký Khổng-Tử thế gia)
(Sử-ký tân Trung-Học văn khố trang 94).

HỌC - THUYẾT KHỔNG - TỬ

Khảo-sát Tứ thư ta thấy Đức Khổng dùng những phương-pháp sau đây để suy cứu và lập đạo :

- 1.— Quan-sát vũ-trụ (1)
- 2.— Phân-tách tâm-lý mình, người (2)
- 3.— Nghiên-cứ hoàn-cảnh (3)

-
- (1) — Trung-Dung trang 80, câu 26, câu 30 trang 88.
Luận-Ngữ Dương-Hóa XVII trang 278 câu 18 :
Thiên hà ngôn tại ? tứ thì hành yên, bá vật sinh yên.
- (2) — Thủy ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi tín kỳ hạnh. Kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hạnh.
(Luận-Ngữ Công Dã Tráng V câu 9 trang 7).
Phàn Trì vấn nhân. Tử viết : Ái nhân. Vấn trí, Tử viết trí nhân.
(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 21 trang 192).
- (3) — Mạnh Thị sử Dương Phu vi sĩ sư ; vấn ư Tăng Tử. Tăng Tử viết : Thượng thất kỳ đạo dân tán cửu hĩ. Như đắc kỳ tình, tắc ai cặng, nhi vật hĩ.
Ông Dương-Phu được họ Mạnh vời ra làm chức sĩ sư (trưởng ty hình-pháp). Ông hỏi ý kiến Tăng-Tử. Ông này dạy : Bề trên lỗi đạo, khiến dân ly tán lương tâm. Như người (làm quan xử kiện) mà biết tình trạng tội lỗi của họ, bấy thương xót họ chẳng nên vui thích (về tài mình quyết của mình). Luận-Ngữ Tử trương X câu 19 trang 302).

4 — Khảo chứng lịch-sử (1)

Quan-sát vũ-trụ để tìm thấy, nhận biết Thượng Đế, tìm ra những định-lý làm tiêu-chuẩn cho hành-động con người.

Phân-tách tâm-lý mình, người để hiểu biết tâm-hồn nhân-loại và tìm ra tương quan liên kết trời và người.

Nghiên cứu hoàn cảnh để biết những nguyên-nhân suy-vi của nhân-loại mà tìm phương bổ cứu.

Khảo chứng lịch-sử, để tìm ra những tôn-chỉ và phương-pháp của tiền nhân.

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 19 trang 108)

A.— SIÊU HÌNH HỌC (CHÍNH NHI THƯỢNG HỌC)

Vậy trước khi đi sâu vào đạo-lý Ngài ta hãy cùng Ngài tung tầm mắt ra muôn phương quan-sát vũ-trụ, ngắm cảnh bao-la hùng-vĩ vô-biên của trời đất. Cái vô-biên đó đã được mô-tả trong sách Trung-Dung:

- (1) Trọng-Ni tồ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn Võ. Thượng luật thiên thì, hạ luật thủy thổ.

(Trung-Dung câu 30 trang 88)

Từ viết: Thuật nhi bất tác; tía nhi háo cồ, thiết tỷ ư ngã Lão Bành.

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 1 trang 98)

Từ viết: Ngã phi sanh nhi tri chi giả; háo cồ mấn dĩ cầu chi giả dã.

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 19 trang 108)

« Hãy trông lên trời, thoát trông tưởng chỉ là những điểm sáng long lanh, nhưng nhìn bao quát, thì vô cùng tận. Mặt trời, mặt trăng và muôn sao đều lửng-lơ trong đó, trời còn bao trùm cả muôn vật.

Hãy nhìn xuống đất xem, mới đầu ngỡ là nằm cát bụi ; nhưng nhìn bao quát, thấy nó dày rộng biết bao : nó chở Hoa-Sơn mà không biết nặng, thu hết nước sông, biển, không cho tràn ra ngoài, lại còn nâng đỡ muôn vật nữa.

Hãy nhìn núi non xem, mới đầu ngỡ là đồng đá, nhưng thật ra, nó rộng lớn biết bao. Muôn cỏ cây hoa lá mọc trên đó, muôn thú rừng sống trong đó, nó lại còn tàng-trữ bao nhiêu là châu báu.

Hãy nhìn xuống sông biển, nó chỉ là những hạt nước góp lại ; thế mà vĩ-đại biết bao. Muôn loài tôm, cá, rồng rắn, đều bơi lội ở trong, và nó còn chứa biết bao là nguyên-liệu khác.

(Trung-Dung Hữu đệ nhị thập lục chương trang 82)

Kinh thi ca ; « Ôi trời huyền vi vô biên, vô tận ; thế mới là trời vậy (1).

(Trung-Dung trang 83)

(1) Thi vân : Duy thiên chi mạng ô mục bất dĩ

QUAN-NIỆM VỀ TRỜI

(Theo Kinh Dịch, Trung-Dung Luận-Ngũ)

Trời là đấng cao trọng nhất, sinh quý thần vạn vật (Philastre Kinh dịch T. II số 1.204, Thượng-Đế trong Nho-giáo Bùi-hữu-Ngạn trang 47) biến hóa âm dương mà tạo thành vũ-trụ (Cương Nhu tương thời nhi sinh biến hóa) (1) Thành giả tự thành dã, nhi đạo tự đạo dã, Thành giả vật chi chung thủy, bất thành vô vật.

Đấng Hoàn Hảo là đấng Tự Hữu, Tiêu Chuẩn (tối cao đó) tự làm tiêu chuẩn cho mình. Đấng Hoàn Hảo đó nguồn gốc, cùng đích muôn vật. Không Đấng Hoàn Hảo đó không có muôn vật.

(Trung-Dung câu 25 trang 78)

Do đấy Ngài thiêng - liêng vô hình-tượng. Kinh Thi ca : « Đức nhẹ như lông, nhưng lông còn nặng, hành động của Trời không tiếng, không hơi, hoàn hảo tốt bậc ».

(Trung-Dung trang 94) (2)

Mà hoàn hảo là tinh Trời : Thành giả thiên chi đạo dã.

(Trung-Dung trang 74)

(1) Nho giáo Trần-trọng-Kim I, trang 70

(2) Thi viết : « Đức thù như mao, mao du hữu luân
Thượng thiên chi tải, vô hình vô xứ » chí hỷ

Hoàn hảo chỉ tôn đó hành động không ngừng, tự diễn-xuất bằng những hiện-tượng, hành-trường rất xa rất rộng; sâu xa, cao siêu, sáng suốt; man mác sâu xa, Hoàn Hảo đó nâng đỡ muôn vật; cao thâm, sáng suốt, Hoàn Hảo đó chở che vạn vật. Rộng và sâu như đất, cao và sáng như trời, dài và lâu vô hạn. Thật không hiện mà rõ, không động mà biến hóa vạn-vật, không làm mà nên việc. Đó là Trời của Đức Khổng mô tả trong Trung-Dung.

(Trung-Dung 78 câu 26 — Nho giáo TTK I trang 215)

Trời nói gì đâu, thế mà bốn mùa thay đổi, muôn vật sinh sản. Trời nói gì đâu (1). Đó là trời trong Luận Ngữ.

Trời sinh ra muôn dân có trật-tự phép-tắc. (Thiên sinh chung dân, hữu vật hữu tắc). Đó là trời trong Kinh Thi.

Đức Khổng tin Trời, kính Trời, tin Trời đã trao cho mình một sứ-mạng cao-cả là truyền đạo cho dân, nên lúc lâm nguy vẫn bình-tĩnh, vững lòng tin Trời và yên ủi cho đệ-tử khỏi

(1) Thiên hà ngôn tai ? Tứ thời hành yên vạn vật sinh yên. Thiên hà ngôn tai (Luận-Ngữ Dương-Hóa đệ thập thất câu 18 trang 278)

thoái chí (1).

Tóm lại đối với Đức Không, Trời là một đấng Thượng-Đế hữu-ngã, thiêng-liêng, toàn thiện, toàn trí, toàn năng. Đó là Thượng-Đế trong Cựu ước, Thượng-Đế của Moïse.

Một Thượng-Đế hữu ngã, chứ không phải là một năng-lực mù-quáng, không phải lý Thái Cực của Tống Nho, của Chu-Hi, Trình-Tử (2).

Đó là Thượng-Đế chí tôn chí đại của Trung-Hoa thượng-cổ mà Vua Thành-Toang khi lên ngôi báu cầu rằng : « Kẻ tiều tử này tên Lý, dám dùng con bò đằm mà tế, dám minh cáo với đấng Thượng-Đế tối cao tối đại rằng : Kẻ có tội chẳng dám tha, bày tội Thượng-Đế chẳng dám dìm. Xin theo ý Thượng-Đế, nếu tôi gây nên tội xin đừng phạt bá tánh muôn phương. Nếu

(1) Tử viết : Khâu chi đảo cửu bí (Luận-Ngũ Thuật Nhi VII câu 34 trang 116).

— Thiên chi vị táng tư văn dã

Khuông nhân kỳ như dư hà

(Luận-Ngũ Tử-Hán IX 5 câu trang 134)

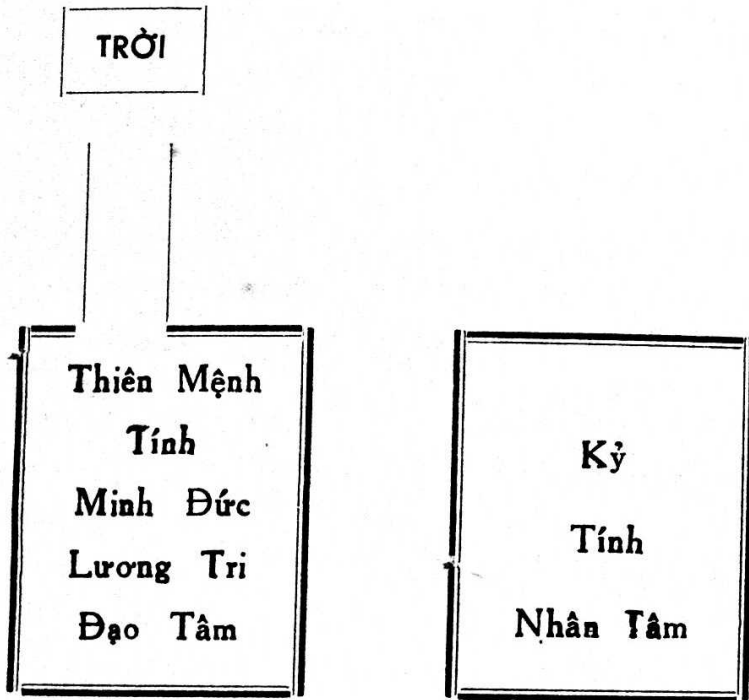
— Tri ngã giả kỳ thiên hồ ?

(Hiển Văn XIV câu 37 trang 230)

(2) « Thiên địa vạn-vật chi lý vô độc, tất hữu đối, giai tự nhiên nhi nhiên phi hữu an bài dã (Nho giáo T.T.K. II trang 119)

ĐỒ - BIỂU I

QUAN-NIỆM VỀ THUYẾT « THIÊN NHÂN TƯƠNG DŨ » TRONG ĐẠO KHỔNG



TÂM HỒN NGƯỜI

Bị chú —

- 1.— Trong tâm hồn ta có ảnh tượng trời (lương tâm). Sự kiện này đem lại cho con người một giá trị siêu việt. Như tâm hồn con người chưa vì thế mà tốt. Giữa lương tâm và bản thân ta còn có cả một hố sâu ngăn cách. Ta vẫn có thể táng tận lương tâm mà theo vật dục.
- 2.— CF. L'enseignement de Ramakrishna page 9. Le temple de notre corps ne doit pas être tenu dans les ténèbres. Il faut allumer en lui la lampe de la connaissance. Allumez la lampe de la sagesse dans votre chambre et contemplez le visage de la mère divine, chacun peut atteindre à cette connaissance.

càng ở nơi vắng vẻ một mình, thì lại càng ý tứ đối với đấng mình không trông thấy, lo sợ đối với đấng mình không nghe thấy vì « càng kín càng tỏ, càng nhỏ càng rõ » trước mắt lương-tâm (1). Người quân-tử dò xét đáy lòng mình, không phải ngượng-ngùng vì những tư-tưởng hoen-ố, hơn người ở những hành-vi không ai mục-kích (2).

Hiểu vậy, Mạnh-Tử mới dám nói : « Vạn-vật đầy đủ ở ta ; quay về với mình để hoàn-thiện mình, thực không gì vui hơn ». (Vạn-vật giai bị ư ngã ; phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên). Và Vương-dương-Minh mới dám nói : « Người ta ai

-
- (1) Quân tử thận kỳ độc (Đại Học trang 16 câu 6)
Cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ần mạc hiện hồ vi.
(Trung-Dung trang 40 câu 1)
- (2) — Cố quân tử nội tỉnh bất cửu, vô ố ư chí. Quân tử chi sở bất khả cập giả, kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ (Trung-Dung trang 92-94 câu 33).
— Cố quân tử ngữ đại, thiên hạ mạc năng tải yên, ngữ tiểu thiên hạ mạc năng phá yên.
(Trung-Dung câu 12 trang 52)
(Nho giáo TTK I trang 215)
- Nên nhờ quân tử bàn rộng (về trời) thì thiên-hạ không thể chớ được, mà nhờ bàn hẹp thì thiên-hạ không phân phá được.

sinh ra cũng có một phần thiên-lý, là phần thiêng-liêng sáng suốt của ta, tức là lương-tri. Lương-tri, thì người hiền kẻ ngu ai cũng có như nhau cả, chỉ khác là người hiền thì giữ được lương-tri sáng suốt mà kẻ ngu thì để nó mờ tối đi thôi. Bởi vậy nói rằng : Phạm cái lương-tri, lờng-năng, thì đứa ngu phu, ngu phụ cũng giống như thánh hiền ; nhưng thánh hiền hoàn-hảo được mình theo tiếng lương-tri, còn ngu phu, ngu phụ thì không, nên thánh với ngu phân-biệt nhau vì vậy » (Nho giáo Trần-trọng-Kim II trang 265).

Quan-niệm tâm-hồn có hai phương-diện như vậy, ta thấy trong khắp các đạo chính thiên-hạ.

Chẳng những đạo nào cũng nhận thấy có một Đấng Thượng-Đế tạo thành muôn vật ; Đấng đó được gọi bằng nhiều danh hiệu : Đấng đó là Thiên-Chúa trong Thiên-Chúa giáo, Chân-Như trong Phật-Giáo, Brahman trong Bà-La-Môn giáo, Đạo trong Lão-giáo, là Trời trong đạo Nho, mà Đạo nào cũng còn nhận thấy con người tuy là vật thọ sinh, nhưng hồn con người là một đền thờ có Đấng Thượng-Đế ở trong, vì có Ngài nên con người trở nên có giá-trị hơn hẳn muôn loài.

Sự có mặt của Thượng-Đế trong tâm-hồn

được biểu-diễn bằng nhiều phương cách : đó Phật Tính, là tự Tính Chân Như trong đạo Phật (1), đó là Atman trong đạo Bà-La-Môn (2), đó là Chúa trong tâm-hồn khi có ơn thánh sủng của Thiên-Chúa giáo, đó là đạo trong tâm hồn-của Lão-Giáo (3), đó chính là phần thiên-mệnh, phần Tính trong đạo Khổng.

Đề tượng-trưng hai phần tách biệt trong tâm-hồn ta, một bên thì cao-minh linh diệu, là một phần của thiên-lý, một bên thì hèn mọn nhỏ nòi, thi-hào Tagore coi hồn mình như hạt sương, còn trời như vầng thái-dương :

Hạt sương rơi, than khóc với thái-dương :
« Tôi mơ mộng Ngài, nhưng để hầu-hạ Ngài,
tôi không bao giờ dám hy-vọng.

Tôi quá nhỏ bé để kéo Ngài về với tôi, hỡi
Thương-Đế tối cao và suốt đời tôi đắm ãa
giọt lệ. »

(1)— Pháp bảo đàn Kinh — Chương Quyết-nghi Phẩm
tiết 21 trang 91. Chú-thích số 6 trang 100.

— Sứ Mạng Vầu-Nghệ Nguyễn-Nam-Châu trang 92,
93- Kinh Niết-Bàn : Hữu đại ngã cố danh đại Niết-Bàn
(Đạo-đức Kinh Nghiêm-Tcản trang 37)

(2)— LSTHDP III trang 106-107

(3)—(Histoire des Croyances religieuses)—Wieger—page 155
đoạn K (L'extase... Censée être une union directe et
immédiate au Principe, elle renouvelle dans celui qui s'y
livre, sa participation au Principe..)

Vùng thái-dương đáp lại :

« Ta chiếu soi khung trời vô hạn, nhưng ta cũng hạ cố đến hạt sương nhỏ mọn, ta sẽ chỉ là một tia sáng tràn ngập lấy mi và cuộc đời nhỏ bé của mi sẽ là một bầu trời tươi sáng.

(LSTHDP III trang 10)

Vì trong tâm-hồn ta, có hai phần tách biệt một phần hoàn-thiện là lương-tri, một phần là ta chưa hoàn-thiện, cần đẽo gọt giữa mài cho hoàn-thiện, nên nếu chỉ trông thấy một khía cạnh, ta liền thấy có những thuyết mâu thuẫn nhau về bản tính con người.

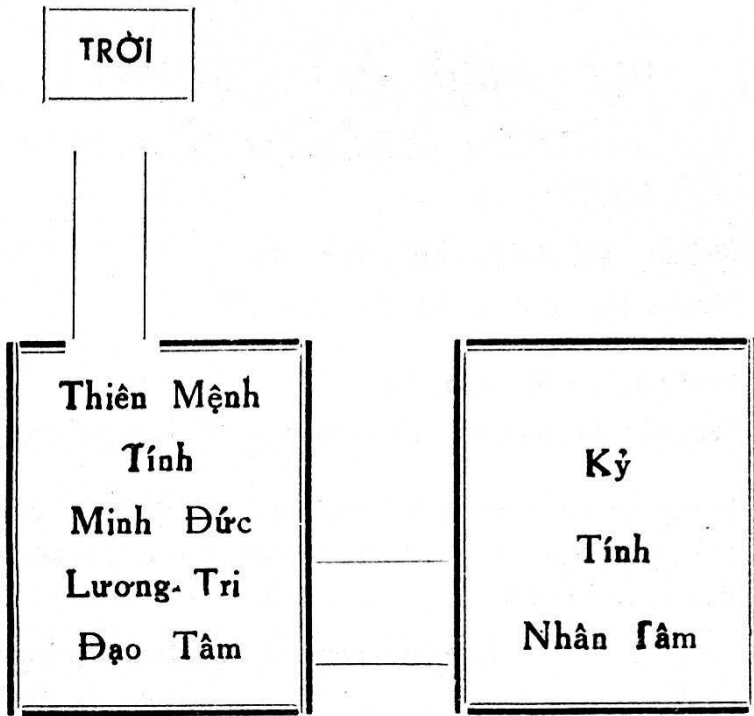
Mạnh-Tử cho rằng : Tính thiện

Cáo-Tử cho rằng : Tính vừa thiện vừa ác

Tuân-Tử cho rằng : Tính ác.

ĐỒ - BIỂU II

ĐẠO KHÔNG HAY MỤC ĐÍCH CON NGƯỜI



Thành
(Perfection)

Thành Chi
(Perfectionnement)

TÂM - HỒN NGƯỜI

Bị chú —

1.— Mục đích đời người là noi theo mẫu mực lương tâm, cải thiện bản thân, đề tiến tới hoàn thiện, phối hợp với trời. Đó tức là nối liền khoảng cách, là san bằng so le giữa lương tâm và nhân tâm.

2.— Cf. L'enseignement de Ramakrishna page 403.

Tant que vous sentez Dieu loin de vous et extérieurement vous avez l'ignorance mais quand vous réalisez Dieu intérieurement, vous arrivez à la vraie sagesse.

MỤC - ĐÍCH ĐỜI NGƯỜI THEO KHỔNG - TỬ

- Thành giả thiên chi đạo dã
Thành chi giả nhân chi đạo dã
- Hoàn-thiện là đạo Trời
Trở nên hoàn thiện là đạo người (Trung-Dung)
- Il est né en vain, celui qui, ayant le rare privilège d'être né homme, est incapable de « réaliser » Dieu dans cette vie.

(L'enseignement de Ramakrishna p. 5)

Hiểu mối tương-quan giữa trời và mình trong tâm-hồn, Đức Khổng liền thấy ý-nghĩa và mục-dịch đời người.

Mục-dịch đời người là tu thân, theo tiếng lương-tâm, tiến tới hoàn-thiện để kết-hợp với trời (1), giáo-hóa người khác nên hoàn-thiện

(1) Cổ viết phối thiên .. Trung-Dung trang 91 câu 31

— Khả dĩ dữ thiên địa tham (Trung-Dung câu 22 trg 76)

— Cao minh phối thiên (Trung-Dung câu 26 trang 80)

— Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng-Đế.

(Đại-Học câu 10 trang 24)

như mình (1),

Trung-Dung viết : Trong thâm-tâm ta có tính trời dưới hình thức lương tâm, đạo làm người là noi theo tính trời đó, tôn-giáo là phương-pháp thi-hành đạo đó : Thiên mệnh chi vị tính (2),

(1) Phu tử chi đạo Trung thứ nhi dĩ hĩ.

(Luận-Ngữ Lý-Nhân IV cau 15 trang 55)

(2) Cf. L'existentialisme par Foulquié (Que sais je)

Les essences sont dans le Verbe... le Verbe est la source de toute réalité... (page 14, 15). Le Verbe est aussi source de toute connaissance intellectuelle, car il est « la lumière véritable qui illumine tout homme venant en ce monde »... C'est dans le Verbe que nous voyons l'idéal des vertus d'après lesquelles nous jugeons nos comportements et nos intentions. La conscience est vraiment la voix de Dieu (ibidem page 15 2. — L'essentialisme augustinien):

... mais en face de l'Unique (l'existant), il y a... ce que nous pouvons appeler l'Autre. Nous avons déjà dit que Dieu chez Kierkegaard est appelé l'Autre absolu. C'est ce qui nous dépasse infiniment, et nous ne sommes nous-mêmes, nous n'existons que parce qu'il y a cette transcendance (Les philosophies de l'existence Jean Wahl page 15). ... Le penseur subjectif est sans doute concentré sur sa pensée, mais dans cette concentration il essaie d'atteindre l'Autre absolu. La subjectivité à son point extrême fait maître l'objectivité. Quand je suis tendu à l'extrême par là même apparaît l'être... (ibidem page 66)

... Conscience ! Conscience ! instinct divin, immortelle et céleste voix ; guide assuré d'un être ignorant et borné, intelligent et libre ; juge infailible du bien et du mal, qui rend l'homme semblable à Dieu C'est toi qui fait l'excellence de sa nature et la moralité de ses actions ; sans toi, je ne sens rien en moi qui m'élève au-dessus des bêtes, que le triste privilège de m'égarer d'erreurs en erreurs à l'aide d'un entendement sans règle et d'une raison sans principe (Rousseau, Emile, livre IV, Ed. Garnier, p. 325-327) (Logique et Morale — Paul Foulquié page 403)

suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo (1).
Đại-học viết :

« Tôn-chỉ sách Đại-Học là làm bừng sáng
ngọn đuốc lương-tâm, cải tạo muôn dân và chỉ
ngừng ở mức hoàn-thiện ».

(1) Que l'existence soit toujours tendue vers l'être c'est le fait même de sa transcendance... (Les philosophies de l'existence Jean Wahl page 65)

... Chez Kierkegaard, l'être c'était l'Autre absolu (Dieu) autour duquel notre pensée tourne comme fascinée sans pouvoir le saisir... (ibidem page 64).

... Vivre moralement c'est vivre en homme, tous les penseurs admettent cette définition. Mais quel est l'homme sur le type duquel je dois vivre ? Ce n'est pas André, ni Jean encore moins Néron ou Caligula. Ce n'est pas non plus l'homme moyen : piètre modèle : La morale ne semble possible qu'à la condition d'admettre en dehors des humains avec qui il nous est donné d'entrer en rapport le type même de l'humanité l'essence humaine (L'existentialisme par Paul Foulquié Collection que sais-je page 7 et 8) (Cf. aussi la note de la page précédente).

... Ainsi l'homme est à « l'horizon de deux mondes » : par sa partie inférieure il est fixé dans le monde des existences mais par sa partie supérieure il s'élève à celui des essences. (ibidem page 16)

(Đại-Học chỉ đạo tại minh minh đức, tại tán dân, tại chỉ ư chí thiện)

Lý-do là vì :

Hoàn-thiện là đạo trời,

Trở nên hoàn-thiện là đạo người (1).

Đó là đạo cao-diệu của Đức Khổng và lý-tưởng đời Ngài là dạy dân chân-lý đó.

Đó là nền tảng luân-lý mà năm trăm năm sau Chúa Jésus lại long-trọng phán truyền cho nhân-loại : « Các con hãy trở nên hoàn-thiện như cha các con trên trời » (2).

Vì thấu hiểu con người tuy hèn mọn nhưng có một định-mệnh cao sang, là có thể hoàn-thiện mình để phối hợp với trời và trời bao giờ cũng ở trong tâm-hồn ta nên Đức Khổng cảm thấy mình tràn ngập sung sướng, mới dám nói lên :

(1) Thành giả thiên chi đạo dã, thành chi giả nhân chi đạo dã

(2) Phúc âm thánh Mathieu V, 48 : « Vous donc vous serez parfaits comme votre Père céleste est parfait » (Estote ergo vos perfecti, sicut et Pater vester coelestis perfectus est)

« Sáng nghe biết đạo, chiều chết cũng cam » (1)
 Mới có thể :

« Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay
 gối đầu, trong cảnh bần hàn mà vẫn vui sướng.
 Phú quý do bất nghĩa thì coi như mây nổi (2).

Mới có thể dẫu lâm nguy cùng khốn giữa
 đất Trần, Sái (3), vẫn yên vui ca hát như thường
 và mới vui chịu gian lao trong mấy chục
 năm trời luân-lạc để giảng truyền đạo đó cho
 dân chúng.

Hoạt-động Ngài làm ta liên-tưởng tới câu nói
 của Romain Rolland : « Tôi cảm thấy trong tôi một
 niềm tin mạnh mẽ. Tôi phải dốc hết niềm tin
 ấy sang kẻ nào cần dùng. Tôi sẽ mặc-khải cho
 dân-tộc tôi, tôi sẽ là một kẻ kích-động. Rồi cho

(1) Chiều văn đạo, tịch tử khả hĩ

(Luận-Ngữ Lý-Nhân IV câu 8 trang 52)

(2) Tử viết : « Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi châm
 chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả
 quý, ư ngã như phù vân ».

(3) Ư thị nãi tương dữ phát đồ dịch vi Không-Tử ư dã.
 Bất đắc hành, tuyệt lương, tòng giả bệnh, mặc năng hưng,
 Không-Tử giảng tụng huyền ca bất ai.

(Sử - ký — Tân Trung Học Văn khố trang 89) (Sử - ký
 Tư-mã-Thiên XXVII).

cuộc đời cứ tiêu-hủy tôi, xấu xé tôi, cũng không sao, miễn là tôi nhóm được lòng tin đó trong kẻ khác và trong tôi (Sứ-mạng văn-ngệ Nguyễn-nam-Châu trang 9).

Tu sửa hoàn-thiện tâm-hồn mình để kết-hợp một cùng Thượng-Đế, đó là mục-dịch của mọi đạo-giáo. Mục-dịch đó người theo đạo có thể quên đi, nhưng nó vẫn nằm trong kinh-diễn.

Thi-sĩ Tagore đạo Bà La-Môn viết : « Cái vô hạn vì sự tự biểu hiện mình đã hạ xuống trong thiên hình vạn trạng của cái hữu hạn và cái hữu hạn vì sự thực-hiện của mình phải vượt lên cái duy-nhất của vô hạn, có như thế vòng chân-lý mới hoàn thiện ». (Duy Nhất Sáng-Tạo) (1).

Phật cũng dạy phải diệt cái thân ngã mình, rút hết mọi tình quyến luyến, mọi dây ràng buộc tâm hồn vào vật thụ-sinh hư-ảo vông-niệm, vô thường để về cùng Chân - Như không sinh

(1) « The infinite for its self-expression comes down into the manifoldness of the finite ; and the finite for its self-realisation must rise into the unity of the infinite. Then only is the cycle of truth complete (Creative unity). (Lịch-sử Triết-học Đông-phương Nguyễn-dăng-Thực tập III trang 9),

không diệt (1).

(1) Le Nirvana et le Samsara sont aussi l'un à l'autre comme l'eau et les vagues. Nirvana c'est l'être dans l'état de permanence, Samsara c'est l'être dans l'état d'impermanence. Le Nirvana c'est l'eau. Le Samsara c'est la houle. Le Nirvana c'est l'être absolu, le reste, Samsara, est apparence. Dans l'océan du Nirvana permanent, nous sommes des rides impermanentes. Sortir de l'impermanence pour entrer dans la permanence, c'est la délivrance. (Wieger — Histoire des Croyances religieuses page 549-550).

... On demande un jour à Shri Râmakrishna : « Est-il possible à l'âme humaine d'obtenir une union si complète avec Dieu qu'elle puisse dire : « So'ham » (Je suis lui) ? Et comment faire pour atteindre cet état ? » Il répondit : « C'est l'histoire d'un vieux serviteur qui devient, au bout de nombreuses années, comme un membre de la famille ; quand le maître de la maison est satisfait de ses services, il lui plaît un jour de le faire asseoir à la place d'honneur, sur son propre siège et de dire aux membres de sa famille : Désormais il n'y a nulle différence entre lui et moi, nous sommes un ; obéissez à ses ordres comme aux miens, sous peine de châtiment.

Et si le serviteur hésite, par modestie, à prendre cette place, son maître l'oblige à l'accepter. Il en est de même pour les âmes qui ont atteint la condition de « So'ham ». Lorsqu'elles ont longtemps servi le Seigneur, il les revêt de Sa Gloire et de Ses attributs et les élève à Son propre siège de souveraineté universelle.

(L'enseignement de Ramakrishna page 439-440)

Đạo Lão cũng coi thường mọi sự đòi cho là phù-vân hư ảo, muốn thanh-tĩnh vô vi để kết hợp với trời, với đạo trong tâm-hồn mình (1); và vì thế mới có những chuyện tham-thiền nhập-định. Thiên-Chúa Giáo thì lại càng nhấn mạnh về điểm này: cần phải thánh-hóa mình để kết hợp với Chúa, để có thể nói được như Thánh Phaolô: « Tôi sống chẳng phải tôi sống mà là Chúa sống trong tôi (2) ». Mục-đích tối cao tối đại ấy đáng

(1) Uni au Principe, le sage ne parle pas. Il règle sa respiration, il tempère sa lumière, il s'efface dans le vulgaire. Un pareil homme, personne ne peut le gagner par des faveurs, ni le rebuter par des affronts. Il est indifférent au profit et à la perte, à l'exaltation et à l'humiliation. Etant tel, il est le plus noble des êtres. Il converse avec le Principe, l'auteur des êtres (Chap. 56)...

L'étude multiplie chaque jour les notions particulières inutiles et nuisibles. La concentration de l'esprit sur le Principe, les diminue de jour en jour...

Le sage arrive au but, sans avoir fait un pas pour l'atteindre (Chap. 47) Wieger Histoire des Croyances religieuses N° F page 151.

(2) (Vivo autem, jam non ego, vivit vero in me Christus. Ce n'est plus moi qui vis, c'est le Christ qui vit en moi. (Aux Galates II - 20) Crumpon page 215.

... C'est moi qui suis la vigne, vous êtes les sarments. Celui qui demeure en moi et en qui je demeure, celui-là donne beaucoup de fruits. C'est que sans moi, vous ne pouvez rien faire. Si quelqu'un ne demeure pas en moi, il sera jeté dehors comme les sarments et il deviendra sec: les sarments (secs) sont ramassés et jetés au feu, où ils brûlent (Evangile selon S. Jean XV 5 - 6 Crumpon page 123.

lý người đời ai cũng phải tìm thấy. Đức Khổng nói: « Thiên hạ lo gì nghĩ gì? Đường đi khác nhau nhưng mục-đích là một, tư-lự trăm chiều mà chân-lý không hai (1) ».

(1) Nho giáo quyển I trang 72 « Thiên hạ hà tư hà lự ? Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. Thiên hạ hà tư hà lự ? » (Dịch hệ từ hạ)

THÂN THỂ VÀ MỤC-ĐÍCH CON NGƯỜI

Các đạo giáo	Trời	Tâm-hồn người		Lập trường	Phương-pháp
Phật-Giáo	Chân Như	Chân Như Phật Tính	Bảo Ngã Thân Ngã	Diệt Ngã. Hòa mình với Chân Như (Niết-Bàn)	— Phật-Pháp — Tam Học : (Giới Định Tuệ) — Bất chính Đạo — Diệt dục
Bà-la-Môn	Brahman	Atman Tự Tính	Bảo Ngã	Diệt Ngã. Hòa mình với Brahman	— Tu thân (Khổ tu) — Tham thiền nhập định
Lão-Giáo	Đạo	Đạo	Mịch	Hòa mình với Đạo	— Tham thiền nhập định — Quả dục

Thiên-chúa-Giáo	Thiên-Chúa	Lương-tâm Chúa ngự trong tâm-hồn khi có ơn Thánh sủng	Minh Hồn	Huyền thê (Corps Mystique)	Giáo-lý Tín-điều Thiên-chúa Giới Giáo-Hội Giới Lễ nghi
Không-Giáo	Trời	Tính Minh Đức Thiên mệnh Lương-tâm Lương-tri Đạo-tâm (Thiên địa chi-tính)	Kỷ Tâm Nhân tâm (Khí chất chi-tính)	Phối thiên (Thành chi xuất tính)	Trung Hòa
					Khắc kỷ Tu thân Lễ (luân-lý Phong- tục Cương thường)

*PHƯƠNG - PHÁP HÀNH ĐẠO
CỦA KHỔNG - TỬ*

« Tu đạo chi vị giáo » Trung-Dung số 1.

« Tu thân dĩ đạo

Tu đạo dĩ nhân »

Trung-Dung số 20.

Muốn vạch con đường giải-thoát cho con người, đưa con người về cùng Thượng-Đế, Đức Phật đã áp-dụng triệt để *định-luật biến thiên*, coi mọi sự là hư ảo, nên cần giác mê khai ngộ, diệt dục, diệt ngã, để về với Chân-Như, không sinh, không diệt, như ba-đào thoát mưa sa, gió táp, về lại lòng trùng-dương tĩnh lặng; đó là cưỡi thuyền phật pháp, từ bờ bến mê, vượt giòng sông luân-hồi để lên tới Niết-Bàn.

Lão-Tử thì áp-dụng *luật tương-đối*, coi mọi sự đời y thức như nhau. Quý tiện, hay hèn, lớn nhỏ nào có khác chi đối với một tâm-hồn

đã biết vươn mình lên cao xa khỏi trần-hoàn, phóng tầm mắt nhìn xuống nơi tục lụy, vì thế chủ trương một thái độ hờ hững, lãnh-đạm với ngoại giới, thanh tĩnh vô vi, hòa mình cùng Đạo, cùng Thượng-Đế trong tâm-hồn mình để tìm trường sinh bất tử.

Khẩu-hiệu của Đức Khổng là :

Thành Chi = tiến tới hoàn thiện (perfectionnement).

Thành kỷ = Hoàn-thiện mình (1)

Thành nhân = Cải thiện người (2)

Thành vật = Cải thiện vật-chất (3)

Tiến tới hoàn-thiện, giúp người tiến tới hoàn-thiện để phối hiệp cùng đấng Chí Thành (4).

(1) Thành giả phi tự thành kỷ nhi dĩ dã

Sở dĩ thành vật dã :

Người hoàn-thiện không phải nguyên lo cải thiện mình mà còn phải chi phối cải thiện vật chất nữa.
(Trung-Dung trang 78 số 25)

(2) Quân-tử thành nhân chi mỹ :

Quân-tử giúp người làm việc tốt (Luận-Ngữ trang 188 số 13)

(3) Như chú thích 1

(4) Trung-Dung trang 78 số 25 : Quân-tử thành chi vi quý : lý-tưởng người quân-tử là hoàn-thiện mình.

Trung-Dung trang 80 số 26 : Cao minh phối thiên

Trung-Dung trang 76 số 22 : khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ

Tiêu-chuẩn.— Để hoàn-thiện mình, Ngài áp dụng định-luật *Trật-Tự* và *Hòa Hợp* (1) của trời đất. (Trần-trọng-Kim Nho giáo I trang 180)

Phải đem trật-tự lại trong con người, đem trật tự lại trong xã-hội, phải ngay ngắn lại những gì chênh lệch, phải chấn chỉnh lại những gì gian tà, phải thành thực lại hết những giả dối; Ngài toàn dùng những động từ :

Tu, Tề Trị, Bình, Chính.

Trật tự tu tỉnh lại bản thân đó là « Trung »

Cố mang trật-tự lại cho tâm - hồn người khác cho họ hoàn thiện như mình đó là « Thứ », hòa hợp với nhau để đem công bình bác ái lại thiên hạ, cùng nhau góp sức chung vai, đỡ đần nhau về cùng đấng Thượng-Đế toàn thiện toàn mỹ.

Như vậy bản thân mình sẽ là khúc nhạc.

Gia-đình mình là khúc nhạc và Quốc-Gia xã-hội cũng là khúc nhạc.

Khúc nhạc nhân quần đó sẽ hòa tấu cùng khúc nhạc vũ-trụ.

Hòa-bình trường-cửu, hạnh-phúc trường-tồn sẽ do đó phát sinh.

Đó là đạo làm người, nó thật khó nhưng

(1) Trung đã giả thiên hạ chi đại bổn dã. Hòa đã giả thiên hạ chi đại đạo dã (Trung-Dụng trang 40).

nếu ta muốn ta có thể thực-hiệu được, tỉ như có người yêu ở xa, nếu không thật yêu thì thấy núi sông ngăn cách, nhưng quả tình yêu thì « tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua ». (ca dao)

Cũng theo ý đó, Đức Khổng ngâm kinh thi :

*Đường lệ đơm hoa
Hoa nghiêng theo gió
Lòng tuy mong chờ
Nhưng xa cách quá.*

(Luận-Ngữ Tử Hân IX câu 29 trang 146)

Rồi tiếp : « Như vậy là chưa thật nhớ tưởng đó. Nếu thật thì quản gì đường xa » (1).

B.— PHẦN THỰC-HÀNH (HÌNH NHI HẠ HỌC)

Về phương - diện thực - hành : Học thuyết Khổng-Tử chia làm 2 phần :

I.— Tu thân (Trung)

II. — Trị Nhân (Thứ) hay Chính-trị

I.— TU THÂN :

a) Bồn-phận đối với mình

Muốn đem hòa-bình, trật-tự lại cho thiên-hạ, muốn ngày kia nên thánh hiền phối hợp cùng

(1) — Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi. Khởi bất nhĩ ty, thất thị viễn nhi.

Từ viết : Vị chi tư dã phù hà viễn chi hữu.

Thượng-Đế, bốn phận đầu tiên là đem trật tự quân bình lại cho tâm-hồn.

Mà tâm.hồn gồm có :

— Tâm tình (cœur ou sensibilité)

— Lý trí (Intelligence)

— Ý chí (Volonté)

Nên phải :

1.— Tu luyện tâm tình, phải « Chính Tâm », ngay ngắn lòng lại để tiến tới Nhân, tổng.hợp mọi đức hạnh.

2.— Tu luyện lý-trí, phải « Trí Tri » hoàn hảo cái biết của mình bằng sự học để tiến tới TRÍ

3.— Tu luyện ý chí, phải « Thành Ý », nhất định làm những điều hay lẽ phải để tiến tới DŨNG.

1) Tu luyện tâm tình.— Bốn phận đầu tiên của nhân.loại là tu luyện tâm tình (1), sửa-sang mọi chệch mác nghiêng lệch của tâm hồn để trở nên nhân đức (2).

(1) Tu thân tại chính kỳ tâm (Trung-Dung câu 7 trang 18)

(2) « Không-Tử sở thuyết nhân tự đích nghĩa » trong Đại-Lục tập chí quyền XIII xuất-bản ngày 31-12 năm 45 Trung-Hoa Dân Quốc.

TU THÂN

Đạo Trung-Dụng
(Con đường hoàn-thiện)

Thần nhân (kỷ)
Thần nhân chi mỹ
Thần vật

THIÊN
(Thành)

(Thành - chí)

PHƯƠNG - PHÁP

TIÊU CHUẨN	BỒN	PHÁP	PHƯƠNG TIỆN
— Theo tiếng	Trung (Tu thân)	Tâm = Chính tâm → Nhân Trí = Trí Trí → Trí Ý = Thành Ý → Dũng	Lễ (Trung)
Lương-tâm (Suất tính)		Ngũ Luân Quân Thần = Nghĩa Phụ Tử = Thân Phụ Phụ = Biệt Côn Đệ = Tự Băng Hữu = Tín	
Trung (Ordre)	KỶ THÀNH		

Hòa
(Harmonie)

THÀNH NHÂN CHI MỸ

Thất

Tề Gia
Tri Quốc
Bình thiên hạ

Nhạc
(Hòa)

THÀNH VẬT

CẢI THIỆN HOÀN CẢNH SINH HOẠT

Tu thân mằm mộng từ sự kính sợ Thượng-Đế (1) và sẽ vươn lên tới chỗ Chí Thiện (2) Muốn vậy :

- Phải chuyên tâm làm điều thiện (3)
- Thấy điều thiện vội-vả theo, thấy điều ác như nhúng tay phải nước sôi (4)
- Phải gò bó mình vào vòng lễ giáo (5)
- Không nhìn chuyện bậy, không nghe điều bậy, không nói lời bậy, không làm việc bậy (6)

(1) Tu kỹ dĩ kính

(Luận-Ngữ Hiến Văn XIV câu 45 trang 234)

La crainte de Yahweh est le commencement de la Sagesse (Livre des Proverbes 1 page 7)

(2) Đại-Học chi đạo... tại chí u chí thiện

(Đại-Học trang 4)

(3) Đắc nhất thiện tắc quyền quyền phục ưng, nhi phát thất chi hĩ (Trung-Dụng câu 8 trang 46).

(4) Kiến thiện như bắt cạp, kiến bất thiện như thám thang
(Luận-Ngữ Quí Thị XVI câu 11 trang 264)

(5) Khắc kỷ phục lễ vi nhân

(Nhan Uyên XII câu 1 trang 180)

(6) Tử viết : Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động.

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 1 trang 180)

— Nhưng nhân không phải là ngu, ai xui chi làm nấy (1)

— Nhân là làm điều thiện theo tiếng gọi lương tâm chứ không phải theo khuôn sáo cổ hủ :

Quản-Trọng, Thiệu-Hốt đều là gia thần Công tử Củ nước Tề. Tề-Hoàn-Công giết Công-tử Củ, Thiệu-Hốt chết theo, Quản-Trọng không thể, lại còn giúp Hoàn - Công lập nên nghiệp bá. Thế mà Đức Khổng khen tốt, vì đã không chọn lấy cái chết dẽ hèn nơi khe lạch như kẻ tầm-thường, đã biết sống giúp Hoàn-Công chinh-đốn nước Tề dẹp loạn, tránh cho Trung-Quốc khỏi bị nạn loạn di hóa (2).

(1) Tề ngã văn viết : Nhân giả, tuy cáo chi viết, tình hữu nhân yên, kỳ tòng chi dã.

Tử viết : Hà vi kỳ nhiên dã ? Quân-tử khả thệ dã, bất khả hãm dã, khả khi dã, bất khả vong dã.

(Luận-Ngữ Ưng Dã VI câu 24 trang 94)

(2) Luận-Ngữ Hiến Văn XIV câu 18 trang 222.

Tử-Cống viết : « Quản-Trọng phi nhân giả dư ? Hoàn-Công sát công-tử Củ, bất năng tử, hựu tướng chi. »

Tử viết : « Quản-Trọng tướng Hoàn - Công, bá chư hầu, nhứt khuông thiên hạ ; dân đảo vu kim thọ kỳ tử. Vi Quản-Trọng, ngô kỳ bị phát, tả nhậm hỹ.

Khởi nhược thất phu thất phụ chi vi lượng dã, tự kinh ư câu độc, nhi mạc chi tri dã ».

— Tu luyện tâm tính là lo hoàn hảo tâm-hồn không phải luân lý miệng, nhân đức ảo (1) : những người lỗ miệng dong đưa, ảo xống lờ-loẹt ít khi có nhân đức (2) ; vì thế người nhân đức yêu sự thành thực và ghét vỏ ngoài giả dối (3).

Tóm lại người nhân-đức phải trang nghiêm, phải có ý chí bền-bĩ (4), không làm cho ai điều mình không muốn người làm cho mình (5), khiêm

-
- (1) Xảo ngôn lệnh sắc tức cung, Tả khâu Minh sĩ chi, Khâu diệc sĩ chi. Nặc oán nhi hữu kỳ nhân, Tả khâu Minh sĩ chi ; Khâu diệc sĩ chi.

(Luận-Ngũ Công Dã tràng V câu 24 trang 78)

- (2) Xảo ngôn lệnh sắc, tiền hỹ nhân

(Luận-Ngũ Học Nhi I câu 3 trang 4)

- (3) Tử viết : Sắc lệ nhi nội nhảm, thí chư tiều nhân, kỳ do xuyên du chi đạo dã dư :

(Luận-Ngũ Dương-Hóa XVII câu 11 trang 276)

... Tử viết : Ổ tử chi đoạt châu dã. Ổ Trịnh thanh chi loạn nhã nhạc dã. Ổ lợi khâu chi phúc bang gia dã. (Luận-Ngũ Dương-Hóa XVII câu 17 trang 277)

... Hương nguyện đức chi tặc dã

(Luận-Ngũ Dương-Hóa XVII câu 12 trang 277)

- (4) Nhân giả tất hữu đồng (Luận-Ngũ Hiến Văn câu 5 trang 216)

- (5) Trọng Cung vấn nhân, Tử viết : « xuất môn như kiến, đại tân, sử dân như thừa đại tể, kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân ».

(Luận-Ngũ Nhan Uyên XII câu 2 trang 180)

nhượng, khoan-hồng, tín nghĩa, cần mẫn, quảng đại, thi ân huệ cho người (1), thương yêu mọi người (2), mong cải tạo xã-hội (3).

— Nhân tức là hoàn-thiện (4)

— Nhân là con người theo đúng nghĩa nó (5)

(1) Tử Trương vấn nhân ư Không-Tử, Không-Tử viết : Năng hành ngũ giả ư thiên hạ vi nhân hĩ Thịnh vấn chi. Viết : Cung, khoan, tín, mẫn huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhậm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc tức dĩ sử nhân.

(2) Phiếm ái chúng nhi thân nhân

(Luận-Ngữ Học Nhi I câu 6 trang 6)

(3) Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân, năng cận thủ thí, khả vi nhân chi phương dã dĩ (Luận-Ngữ VI câu 28 trang 96)

(4) Tử viết : Cầu chí ư nhân hĩ, vô ác dã

(Luận-Ngữ Lý nhân IV câu 4 trang 50)

(5) — Phàn Trì vấn nhân. Tử viết : Cư xử cung, chấp sự kính, dữ nhân trung. Tuy chi Di-Địch bất khả khí dã (Luận-Ngữ Tử-Lộ XIII câu 19 trang 206)

— Nhân giả nhân dã (Trung-Dụng câu 20 trang 66)

— Mạnh-Tử viết : Nhân dã giả nhân dã hiệp nhi ngôn chi, đạo dã (Mạnh-Tử nói : Nhân đức là người : Nói tóm lại nhân là đạo làm người) — Mạnh-Tử tận tâm hạ câu 16 trang 264.

— Vivre moralement c'est vivre en homme (existentialisme par Foulquié (que sais je page 7).

— Tu luyện tâm tính là lo hoàn hảo tâm-hồn không phải luân lý miệng, nhân đức áo (1): những người lỗ miệng đông đưa, áo xống lờ-loẹt ít khi có nhân đức (2); vì thế người nhân đức yêu sự thành thực và ghét vỏ ngoài giả dối (3).

Tóm lại người nhân-đức phải trang nghiêm, phải có ý chí bền-bĩ (4), không làm cho ai điều mình không muốn người làm cho mình (5), khiêm

-
- (1) Xảo ngôn lệnh sắc tức cung, Tả khâu Minh sĩ chi, Khâu diệc sĩ chi. Nặc oán nhi hữu kỳ nhân, Tả khâu Minh sĩ chi; Khâu diệc sĩ chi.

(Luận-Ngữ Công Dã tràng V câu 24 trang 78)

- (2) Xảo ngôn lệnh sắc, tiền hỹ nhân

(Luận-Ngữ Học Nhi I câu 3 trang 4)

- (3) Tử viết: Sắc lệ nhi nội nhảm, thí chư tiều nhân, kỳ do xuyên du chi đạo dã dư:

(Luận-Ngữ Dương-Hóa XVII câu 11 trang 276)

... Tử viết: Ổ tử chi đoạt châu dã. Ổ Trịnh thanh chi loạn nhã nhạc dã. Ổ lợi khâu chi phúc bang gia dã. (Luận-Ngữ Dương-Hóa XVII câu 17 trang 277)

... Hương nguyện đức chi tặc dã

(Luận-Ngữ Dương-Hóa XVII câu 12 trang 277)

- (4) Nhân giả tất hữu đồng (Luận-Ngữ Hiến Vấn câu 5 trang 216)

- (5) Trọng Cung vấn nhân, Tử viết: « xuất môn như kiến, đại tân, sử dân như thừa đại tể, kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân ».

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 2 trang 180)

nhượng, khoan-hồng, tín nghĩa, cần mẫn, quảng đại, thi ân huệ cho người (1), thương yêu mọi người (2), mong cải tạo xã-hội (3).

— Nhân tức là hoàn-thiện (4)

— Nhân là con người theo đúng nghĩa nó (5)

(1) Tử Trương vấn nhân ư Không-Tử, Không-Tử viết :
Năng hành ngũ giả ư thiên hạ vi nhân hĩ Thỉnh
vấn chi. Viết : Cung, khoan, tín, mẫn huệ. Cung tắc
bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhậm yên,
mẫn tắc hữu công, huệ tắc tức dĩ sử nhân.

(2) Phiếm ái chúng nhi thân nhân

(Luận-Ngữ Học Nhi I câu 6 trang 6)

(3) Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt
nhi đạt nhân, năng cận thủ thí, khả vi nhân chi
phương dã dĩ (Luận-Ngữ VI câu 28 trang 96)

(4) Tử viết : Cầu chí ư nhân hĩ, vô ác dã

(Luận-Ngữ Lý nhân IV câu 4 trang 50)

(5) — Phàn Trì vấn nhân. Tử viết : Cư xử cung, chấp
sự kính, dữ nhân trung. Tuy chi Di-Địch bất khả
khí dã (Luận-Ngữ Tử-Lộ XIII câu 19 trang 206)

— Nhân giả nhân dã (Trung-Dụng câu 20 trang 66)

— Mạnh-Tử viết : Nhân dã giả nhân dã hiệp nhi
ngôn chi, đạo dã (Mạnh-Tử nói : Nhân đức là người :
Nói tóm lại nhân là đạo làm người) — Mạnh-Tử tận
tâm hạ câu 16 trang 264.

— Vivre moralement c'est vivre en homme (existentia-
lisme par Foulquié (que sais je page 7).

Muốn đi tới Nhân, con người phải biết phản tỉnh, biết xét mình (1), biết so-sánh mình với người (2), phải noi theo những phong-tục tập quán tốt, những lễ-nghi đương thời (3).

Nhưng phải chính tâm thành ý trước rồi mới theo những lễ-nghi bề ngoài sau, như cô gái đẹp có miệng cười xinh, có mắt long lanh mới nên trang-diễm, như giấy có trắng mới nên vẽ thêm tranh (4), vì lễ tuy để tiết chế nhân tình,

- (1) Tư-mã-Ngưu vấn quân-tử. Tử viết: Quân-tử bất ưu, bất cụ. Viết bất ưu bất cụ tư vị chi quân-tử hĩ hồ. Tử viết: nội tình bất cứu, phù hà ưu hà cụ.

(Luận-Ngữ Nhan-Uyên XII câu 4 trang 182)

Tử viết: Dĩ hĩ hồ ngô vị kiến năng kiến kỳ quá nhi nội tự tụng giả dã.

(Luận-Ngữ Công Dã Trạng V câu 26 trang 80)

... Tăng-Tử viết: Ngô nhật tam tỉnh ngô thân

(Luận-Ngữ Học Nhi I câu 4 trang 4)

- (2) Tam nhân hành, tất hữu ngã sự yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 21 trang 108)

- (3) Nho giáo Trần-trọng-Kim I trang 148 và tiếp theo

- (4) Tử Hạ vấn viết: « Xảo tiểu thiện hề, mỹ mục miện hề, tổ dĩ vị huyển hề; hà vị dã? — Tử viết: Hội sự hậu tổ » — Viết: Lễ hậu hồ? — Tử viết: « Khởi dư giả Thương dã. Thủy khả dư ngôn Thi dĩ hỹ. »

(Bát dật III câu 8 trang 34)

dưỡng-thành tập-quán đạo-đức, nhưng người mà gian ác bất nhân thì Lễ Nhạc mà làm gì (1).

Nhân không phải Nhân-Ái, mà là Nhân-Đức hoàn toàn, nên rất khó đạt mức độ Nhân cao siêu. Đức Khổng nói : Ta đâu dám sánh mình với bậc Thánh, bậc Nhân (Nhược thánh dữ nhân tắc ngô khởi cảm) (2).

Trong hàng đệ-tử, Đức Khổng chỉ khen Nhan Hồi là nhân (3) và người xưa thì chỉ khen là nhân có Bá-Di, Thúc-Tề (3), Vi-Tử, Cơ-Tử, Tử-Can (4).

(1) Nhân nhi bất nhân như lễ hà.

(Luận-Ngữ Bát Dật III câu 3 trang 23)

Lễ vân, lễ vân ; ngọc bạch vân hồ tại ? Nhạc vân, nhạc vân ; chung, cồ vân hồ tại ?

(Luận-Ngữ Dương-Hóa câu 11 trang 276)

(2) Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 33 trang 116.

(3) Luận-Ngữ Công Dá Tràng V câu 8 trang 68 và 69 Ung giả VI câu 5 trang 84, câu 9 trang 88 ; Tử Hân IX câu 19 — 21 trang 142, Tiên tảo XI câu 2 trang 160, câu 6 trang 162, câu 8,9 trang 164, câu 18 trang 170, Trung-Dung câu 8 trang 46.

(3) Thuật-Nhi VII câu 14 trang 104

(4) Vi-Tử XVIII câu 1 trang 284

2) Luyện Trí :

Trên là tu-tâm, bây giờ ta đề cập tới cách luyện trí của Đức Khổng.

Luyện trí

- Bằng cách học hỏi người đời nay (1)
- Bằng khảo cổ (2)
- Bằng trầm-tư mặc-tưởng (3)

(1) Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết « thực vị Trâu nhân chi tử tri lễ hồ. Nhập thái miếu mỗi sự vấn ». Tử vấn chi viết : « thị lễ dã »

(Luận-Ngũ Bát Dật III câu 15 trang 40)

— Học nhi bất tư tắc vông, tư nhi bất học tắc đãi.
(Vi chính II câu 15 trang 22)

— Tử viết : Ngô thường chung nhất bất thực chung dạ bất tầm dĩ tư. Vô ích. Bất như học dã (Vệ Linh Công XV câu 30 trang 250).

— Học nhi thì tập chi bất diệc duyệt hồ

(Luận-Ngũ Học Nhi I trang 4)

(2) Tử viết : Thuật nhi bất tác ; tín nhi hiếu cồ ; thiết tỉ ư ngã Lão Bành

(Luận-Ngũ Thuật Nhi VII câu 1 trang 98)

Tử viết : Ngã phi sinh nhi tri chi — Hiếu cồ mẫn dĩ cầu chi giả dã.

(Luận-Ngũ Thuật Nhi VII câu 19 trang 108)

(3) Tử viết : Mặc nhi chí chi..

(Thuật Nhi VII câu 2 trang 98)

Nếu đứng theo quan-điểm ngày nay mà nói thì Đức Không chú trọng mở mang óc thẩm mỹ bằng thơ và nhạc :

Hưng ư thi... thành ư nhạc (1)

Mở mang óc khoa-học bằng quan-sát, suy-luận, thực-nghiệm, phân-tách, tổng hợp.

An thần định trí để tìm cho ra chân-lý (2)
Vậy cần phải :

Quan-sát.— Quan-sát công việc người, nghiên-cứu lý do thúc đẩy hành-động, quan-sát thái-độ thường nhật con người để biết người (3).

Thực-nghiệm.— Tức là « cách vật trí tri » trong Đại-Học hiểu theo Chu-Hi : đến tận sự vật để

(1) Luận-Ngữ Thái Bá câu 9 trang 124

(2) Định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lý, lý nhi hậu năng đắc (Đại-Học trang 4)

(3) Tử viết : Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, nhân yên sự tại ? Nhân yên sự tại ?

(Luận-Ngữ Vi chính II câu 10 trang 18)

hoàn-hảo kiến-thức (1)

Suy luận.— Tìm cho ra nguyên-do mọi sự vì cái gì cũng có gốc ngọn, việc gì cũng có đầu đuôi. (2) Ai mà không hỏi tại sao, tại sao, thì Đức Khổng không chịu dạy (4). Vật có bốn góc, bảo cho biết một, không suy ra ba góc kia thì không dạy nữa (4).

(1) Trí tri tại cách vật — Vật cách nhi hậu tri chí

(Đại-Học trang 6)

Theo Lục-Tượng-Sơn thì « lo tu sửa thân mình cho được sáng suốt trọn lành là cách vật (Vương-dương-Minh — Đào-trinh-Nhất trang 33).

Vương-dương-Minh « Ta thì ta giải chữ cách có nghĩa như chữ Chính, chữ Vật nghĩa là việc. »

(Vương-dương-Minh — Đào-trinh-Nhất trang 187)..

Trí tri cách vật là đem lương-tri ra mà ứng tiếp vạn sự vạn vật (Vương-dương-Minh—Đào-trinh-Nhất trang 180)

(2) Vật hữu bốn mặt sự hữu chung thủy (Đại-Học trang 6)

(3) Tử viết : Bất viết như chi hà ? như chi hà giả, ngô mặt như chi hà dã dĩ hĩ

(Vệ-Linh-Công XV câu 15 trang 246)

(4) Cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phản tắc bất phục dã
(Luận-Ngữ Thuật Nhị VII câu 8 trang 100)

Phân-tách.— Phân-tách duyên-do, phân-tách hoàn-cảnh, phân-tách kết-quả để tìm hiểu (1) vì tôi giết vua, con giết cha không phải một sớm một chiều : Cái căn do dần dần đã lâu mà thành vậy. (Dịch : Văn ngôn chuyện) (2)

Tổng-hợp.— Đức Khổng thường dạy phương-pháp tổng-hợp mà Ngài gọi là phương - pháp « Nhất Quán »

— Tổng-hợp kinh thi bằng ba chữ « Tư vô tà » (3)

— Tổng-hợp đạo làm người bằng chữ « Thành chi » (4) bằng chữ « Trung Thứ » (5)

(1) Tử viết : Chúng ố chi tất sát yên, chúng háo chi tất sát yên

(Luận-Ngữ Vệ Linh-Công XV câu 27 trang 250)

(2) Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ phi nhất chiêu nhất tịch chi cố, kỳ sở do lại giả tiệm hĩ. Do biện chi bất tảo biện dã.

(Nho giáo TTK I trang 57)

(3) Tử viết : Thi tam bá, nhứt ngôn dĩ tế chi viết : Tư vô tà.

(Luận-Ngữ Vi Chính II câu 2 trang 14)

(4) Thành giả, thiêu chi đạo dã, thành chi giả nhân chi đạo dã.

(Trung-Dung câu 20 trang 74)

(5) Tử viết : Sâm hồ, Ngô đạo nhứt dĩ quán chi
Tăng Tử viết : Dũy. Tử xuất ; môn nhân vấn viết : Hà vị dã ?

Tăng Tử viết : Phu tử chi đạo trung thứ nhi dĩ hĩ
(Luận-Ngữ câu 15 trang 56)

— Tổng-hợp khoa chính-trị bằng chữ « Chính »
« Cải thiện con người » (1).

— Tổng-hợp đề trí nhờ đỡ vất vả (2).

An-thần định trí :

An-thần định trí, trầm-tư mặc-tưởng để tìm ra chân-lý (3).

Huấn-luyện lý-trí để trở nên thông tuệ cho mình biết đạo lý, để làm điều nhân cho sáng suốt. Như vậy học là để phục-vụ chân-lý, để

(1) Quí Khang Tử văn chính ư Không-Tử, Không-Tử đối viết : Chính giả chính dã.

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 16 trang 190)

(2) Tử viết : Tứ dã, như dĩ dư vi đa học nhi chí chi giả dư ? Đối viết : Nhiên. Phi dư ? viết : Phi dã. Dư nhất dĩ quán chi.

(Luận-Ngữ Vệ-Linh-Công XV câu 1 trang 239)

(3) Tử viết : mặc nhi chí chi

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 2 trang 98)

.. Định nhi hậu năng tính. Tính nhi hậu năng an.
An nhi hậu năng lự. Lự nhi hậu năng đắc.

(Đại-Học trang 4)

Tử viết : Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tầm dĩ tư

(Vệ Linh Công câu 30 trang 250)

nên thánh hiền, chứ văn chương hoa mỹ là tùy (1).

3) Luyện chí-khí :

Chí-khí, dũng cảm đối với Đức Khổng không phải là liều mạng, bạo hồ, bằng hà (2), không phải là cường đồng như người phương Bắc mê thích binh đao, ngử cũng đeo gươm mặc giáp, chết cũng không sao (3), mà dũng là giữ được

(1) Háo nhân, bất háo học kỳ tế dã ngu.

(Luận-Ngữ Dạng Hóa XVII câu 8 trang 272 và tiếp theo)

— Tử viết : Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.

(Luận-Ngữ Học Nhi I câu 6 trang 6)

— Tử đạt nhi dĩ hĩ

(Vệ-Linh Công XV câu 40 trang 254)

— Chí ư đạo, cú ư đức, y ư nhân, du ư nghệ

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 6 trang 100)

— Tử hạ viết : Bá công cư tứ, dĩ thành kỳ sự. Quân tử học dĩ trí kỳ đạo.

(Luận-Ngữ Tử Trương XIX câu 7 trang 298)

(2) Tử lộ viết : Tử hành tam quân, tắc thù dĩ ? Tử viết : « Bạo hồ, bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dĩ dã.

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 10 trang 100-102)

(3) Nhấn kim cách, tử nhi bất yếm : Bắc phương chi cường dã ; nhi cường giả cư chi.

(Trung-Dung câu 10 trang 48)

niềm hòa khí, lúc nào cũng sống với đạo lý của mình, dù lúc nước nhà bình yên hay khi giang-sơn nghiêng-ngửa (1).

Vậy luyện chí khí tức là :

- Thấy việc nghĩa, nhất định làm (2)
- Thiết tha với hoài bão của mình (3)
- Tìm mọi biện-pháp để thực-hiện (4)
- Bền tâm đốc chí thực-hiện cho được hoài bão đó không quản khó nhọc gian lao (5)

(1) Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo : Nam phương chi cường dã Quân-tử cư chi.

Cố quân tử hòa nhi bất lưu. Cường tai kiêu ! Trung lập nhi bất ý. Cường tai kiêu ! Quốc hữu đạo bất biến tắc yên. Cường tai kiêu. Quốc vô đạo chí tử bất biến. Cường tai kiêu.

(Trung-Dung câu 10 trang 48)

(2) Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã

(Luận-Ngữ Vi Chính II câu 24 trang 28)

(3) — Tử viết : Tam niên học, bất chí ư cốc bất dĩ đắc dã

(Luận-Ngữ Thái bá VIII câu 13 trang 126)

— Tử viết : Đốc tín, hiếu học, thủ tử, thiện đạo.

(Luận-Ngữ Thái-bá VIII câu 14 trang 126)

(4) — « Dụng chí tắc hành, xả chí tắc tàng ».

(Luận-Ngữ Thuật nhi VII câu 10 trang 100)

— Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sanh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.

(Vệ-Linh Công XV câu 8 trang 242)

— Quân-tử khứ nhân, ô hồ thành dauh. Quân-tử vô chung thực chi gian vi nhân. Tháo thứ tất ư thị, diên bất tất ư thị

(Luận-Ngữ Lý nhân IV câu 5 trang 52)

(5) Quân-tử tuân đạo nhi hành. Bán đồ nhi phổ ngô phát năng lý. Quân-tử y hồ Trung-Dung.

(Trung-Dung câu 11 trang 50)

Có điều mình chẳng học nhưng đã học mà chẳng thành công thì chẳng thôi. Có điều mình chẳng hỏi, nhưng hỏi mà không ra lẽ thì không bao giờ chịu. Có điều mình chẳng nghĩ nhưng nghĩ mà chẳng ra thì chẳng thôi. Có điều chẳng suy nhưng suy mà không vỡ lẽ thì suy mãi-mãi. Có điều không làm nhưng làm mà chưa hoàn tất thì không bỏ dở. Người ta ra công một lần mà thành, mình hãy ra công 100 lần, người ta ra công 10 lần mà thành mình ra công 1.000 lần. Nếu theo được vậy thì kẻ ngu độn cũng hóa thông-minh, nhu nhược cũng hóa cường dũng (1).

Chính Đức Khổng treo gương dưng cảm, vì lúc nào cũng chuyên tâm đề chí theo đường đạo lý, sống cuộc đời đức hạnh (2).

(1) Hữu phát học, học chi phát năng, phát thố dã. Hữu phát vấn, vấn chi phát tri, phát th⁷ dã. Hữu phát tư, tư chi phát đắc, phát thố dã. Hữu phát biện, biện chi bất minh, phát thố dã. Hữu phát hành, hành chi phát đắc, phát thố dã. Nhân nhất năng chi, kỳ bá chi. Nhân thập năng chi, kỳ thiên chi. Quả năng thử đạo hỹ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường.

(Trung-Dung câu 20 trang 74)

(2) Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 6 trang 100)

Nếu dùng mình làm quan thì đem đạo-lý ra thi-hành, nếu chẳng dùng mình thì ẩn-dật với đạo-lý (1). Ngài lúc nào cũng tha-thiết muốn ngăn làn sóng suy-vong hôn-loạn cuộn cuộn chảy trong thiên-hạ (2) làm cho Tràng.Thư, Kiệt-Nịch, Sở-Cuồng và những bậc tị-thể bực mình chê-bai (3). Sở.Cuồng trách Ngài :

Phượng ơi, Phượng ơi (4)
Đức ngươi suy rồi,
Tương lai còn mờ mịt
Dĩ-vãng đã xa xôi
Thôi đừng khuyên đạo.đức
Cần thận kéo lụy ngươi.

(Luận-Ngữ Vi-tử XVIII câu 5 trang 286)

(1) Tử vi Nhan Uyên viết : Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù.

(Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 10 trang 100)

(2) Thao thao giả thiên-hạ giai thị giả

(Luận-Ngữ Vi Tử XVIII câu 6 trang 288)

(3) Luận-Ngữ Vi Tử XVIII câu 6 trang 288

Luận-Ngữ Hiếu Văn XIV câu 42 : Bỉ tai kinh kinh hồ ! Mạc kỳ tri dã. Tư dĩ nhĩ dĩ hĩ.

(4) Phượng hề, Phượng hề, hà đức chi suy ! Vãng giả bất khả gián, lai giả do khả truy. Dĩ nhĩ, dĩ nhĩ ! Kim chi tòng chính giả dĩ nhĩ.

(Luận-Ngữ Vi Tử XVIII câu 5 trang 286)

Nhưng ý Ngài đã định truyền đạo thì ai ngăn nổi, dầu khó khăn cũng không sờn lòng, biết là không làm được vẫn cứ làm (1).

b) Bồn-phận đối với người. (Quốc-Gia Xã Hội)

Nhưng con người sống trong Xã-hội, thì không thể chỉ nguyên nghĩ đến « tư đức » mà còn phải nghĩ đến « công đức », con người đã đành phải tu-luyện bản thân, nhưng vẫn phải sùng thượng gia-đình, quốc-gia, xã-hội, vẫn phải làm tròn những bồn phận :

Quân thần, phụ tử, phu phụ, côn đệ, bằng hữu (2)

Đối với chúng nhân thì công bình bác ái : không làm cho người điều mình không muốn người làm cho mình (3). Trong công cuộc tiếp nhân xử kỷ lúc nào cũng theo đúng đường lối Nhân,

(1) Thị tri kỳ bất khả nhi vi chi giả dư

(Luận-Ngữ Hiểm Văn XIV câu 41 trang 232)

(2) Thiên-hạ chi đạt đạo ngũ. Sở dĩ hành chi giả tam. Viết quân thần dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã. Ngũ giả thiên-hạ chi đạt đạo dã. Trí nhân đồng tam giả, thiên hạ chi đạt đức dã. Sở dĩ hành chi giả nhất dã.

(Trung-Dung câu 20 trang 68)

(3) Kỳ sở bất dục vật thi ư nhân

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 2 trang 180)

Phiếm ái chúng nhi thân nhân

(Luận-Ngữ Học Nhi I câu 6 trang 6)

Trí, Dũng (1), lúc nào cũng cầu tiến, ham học hỏi, ra sức làm lành, trọng danh-dự mình (2).

*Làm trai quyết chí tu thân
Công danh chớ vội nợ-nần chớ lo.*

c) *Mấy tôn-chỉ phụ :*

1.— *Quyền biến :*

Đã đành mục - đích và đường lối chung đời mình phải vững như núi, nhưng trước sự đời phức-tạp cần phải lấy trí sáng suốt mà nhận-định để thích-ứng với mọi trường-hợp, để giải-quyết, dung hòa những xô-xát giữa các bổn-phận; nên người quân-tử uyển-chuyển như nước (3). Thế gọi là « thời trung » (4), biết quyền biến (5) không thành kiến, độc-đoán, cố chấp và tự-ái (6)

(1) Bị chú 2 trang trước

(2) Từ viết : Háo học cận hồ trí, lực hành cận hồ nhân. Trí si cân hồ đồng. Trí tư tam giả, tắc trí sở dĩ tu thân. Trí sở dĩ tu thân, tắc trí sở dĩ trị nhân...

(Trung-Dụng câu 20 trang 68)

(3) Từ viết : Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn

(Luận-Ngũ Ung Dã VI câu 21 trang 94)

(4) Quân-tử nhi thời trung

(Trung-Dụng câu 2 trang 42)

(5) Từ viết : Quân-tử chi ư thiên-hạ, vô thích dã, vô mịch dã, ngĩa chi dữ ti

(Luận-Ngũ IV câu 10 trang 54)

(6) Từ tuyệt tứ : vô ý, vô tất, vô cố vô ngã

(Luận-Ngũ Tử Hán IX câu 4 trang 134)

Phê-bình các ản-giả như Bá-Di, Thúc-Tề, Liễu-Hạ-Huệ, Thiệu-Liên, Đức Khổng nhận thấy có điều câu chấp. Ngài nói : « Ta thì không thể, không gì nhất định là nên, không gì nhất định là không nên (1). »

Tóm lại phải biết thích thời hợp-lý chứ không chấp-nhất. Người chấp-nhất làm hại đạo, vì chấp-nhất thì chỉ biết được một điều mà bỏ trăm điều (2).

2.— *Cải tiến không ngừng :*

Và như dòng sông trôi chảy không bao giờ ngừng, ta cũng phải ngày ngày cải hóa mình cho tới hoàn thiện (3), vì tu thân tĩ như đắp đất cho thành núi chỉ còn một giỏ nữa là xong, nhưng mình lại thôi đó là tại mình bỏ vậy (4).

(1) Ngã tác dĩ ư thị. Vô khả, vô bất khả
(Luận-Ngũ Vi Tử XVIII câu 8 trang 292)

(2) Tử Mặc chấp trung. Chấp trung vi cận chi; chấp trung vô quyền; du chấp nhất giả. Sở ố chấp nhất giả vi kỳ tặc đạo dã; cử nhất nhi phế bách dã;

(Tận Tâm Chương Cú Thương câu 26 trang 238)

(3) Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ

(Tư Hân IX câu 16 trang 140)

(4) Tử viết : Thí như vi sơn, vi thành nhất quý, chi, ngô chỉ dã. Thí như bình địa, tuy phúc nhất quý, tảo, ngô vãng dã.

(Luận-Ngũ IX câu 18 trang 142)

d) Quân - tử :

- Biết mục-dịch cao-cả đời mình (1).
- Có hoài-bảo cao đẹp (2).
- Cổ tu đạo, theo đạo (3).
- Đi trên đường nhân nghĩa, không ham danh lợi (4).

(1) Bất tri mệnh, vô dĩ vi quân tử dã

(Luận-Ngũ Nghiêu viết XX câu 3 trang 314)

(2) Quân-tử thượng đạt, tiều-nhân hạ đạt

(Hiển Vãn XIV câu 24 trang 226)

(3) Tử viết : Quân-tử đạo giả tam, ngã vô năng yên.

Nhân giả bất ưu, trí giả bất hoặc, dũng giả bất cụt :

« Tử Cống viết : Phu tử tự đạo dã ».

(Hiển Vãn XIV câu 30 trang 228)

— Sĩ chí ư đạo (Lý nhân IV câu 9 trang 54)

— Quân-tử hoài đức (Lý nhân IV câu 11 trang 54)

(4) Tử viết : Quân-tử dụ ư nghĩa, tiều-nhân dụ ư lợi

(Lý nhân IV câu 16 trang 58)

Tử viết : Quân-tử mưu đạo bất mưu thực

(Vệ-Linh Công XV câu trang 250)

Tử viết : Quân-tử tậ một thể nhi danh bất xưag yên

(Luận-Ngũ Vệ Linh Công XV câu 19 trang 246)

- Lo hoàn-thiện mình (1).
- Tin ở sức mình (2).
- Sáng suốt, ham học, biết thích thời (3).

(1) Cổ quân-tử bất khả dĩ bất tu thân

(Trung-Dung câu 20 trang 66)

Quân tử bệnh vô năng yên, bất bệnh nhâm chi bất kỳ tri dã

(Luận-Ngữ Vệ-Linh Công XV câu 17 trang 246)

Tử viết : Đương nhâm bất nhượng ư sự.

(Vệ-Linh-Công XV câu 35 trang 252)

Không-Tử viết : Quân-tử hữu tam giới : Thiếu chi thì, huyết khí vị định, giới chi tại sắc. Cập kỳ tráng dã, huyết khí phương cương, giới chi tại dẫu. Cận kỳ lão dã, huyết khí ký suy, giới chi tại đắc. Quân-tử cầu chư ký, tiểu nhâm cầu chư nhâm.

(Luận-Ngữ Vệ-Linh-Công XV câu 20 trang 246)

(2) Chính kỹ nhi bất cầu ư nhâm

(Trung-Dung câu 14 trang 56)

Tử viết : xạ hữu tự hồ, quân-tử thất chư chính học, phản cầu chư kỳ thân

(Trung-Dung câu 14 trang 56)

(3) Tử viết : Quân-tử bác học ư văn, ước chi di lễ, diệc khả dĩ phất bần hĩ phù

(Ung Dã VI câu 25 trang 94)

Khả khi dã, bất khả vông dã

(Ung Dã VI câu 24 trang 94)

Quân-tử chi ư thiên hạ dã, vô thích dã, vô mịch dã, nghĩa chi dữ tử

(Lý nhâm IV câu 10 trang 54)

- Nói ít làm nhiều (1).
- Thương yêu mọi người (2).
- Lúc nào cũng ung-dung thư-thái (3).
- Lúc nguy cơ vẫn bình-tĩnh (4).

Ở thì ở chỗ quảng-đại của thiên-hạ, đứng thì đứng vào địa-vị chính đáng của thiên-hạ, đi thì đi trên con đường lớn của thiên-hạ, đặc chí thì cùng với nhân-dân noi theo (đạo nghĩa), không đặc chí thì một mình thực-hành đạo nghĩa. Giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo hèn không thay đổi lòng, vũ-lực không khuất-phục được chí lớn. Như thế mới là trượng-phu (5).

(1) Tử viết : Quân-tử dục nột ư ngôn nhi mẫn ư hạnh
(Lý nhân IV câu 22 trang 60)

(2) Quân-tử thành nhân chi mỹ
(Luận-Ngũ Nhan Uyên câu 15 trang 188)

(3) Quân-tử thân đẳng đẳng, tiều-nhân trường thích thích
(Luận-Ngũ Thuật Nhi câu 36 trang 119)

(4) Quân-tử cố cùng : Người quân tử bền gan khi hoạn nạn
(Luận-Ngũ Vệ-Linh Công XV câu 1 trang 238)

(5) Cư thiên hạ chi quảng cư, Lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo, đặc chí dữ dân do chí, bất đặc chí độc hành kỳ đạo, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai vũ bất năng khuất, thủ chí vị đại trượng phu.

(Mạnh-Tử) (Đông văn Công Hạ câu 2 trang 184)

Đó là người quân-tử mà Vương-dương-Minh đã phác-họa như sau :

« Người quân-tử lấy trung-tín làm lợi, lấy lễ-nghi làm phúc. Nếu trung-tín lễ-nghĩa mà không còn thời tuy lộc có muôn chung, tước đến vương-hầu, cái quý ấy người quân-tử vẫn cho là họa với hại ».

(Quê-Hương số 5 (tháng 11-1959 trang 9)

Đó là người quân-tử trong đạo Khổng mà Kinh Thi đã khen bằng những câu thơ :

*Kìa xem bên khủy sông Kỳ
Tre non mới mọc xanh rì vườn ai.
Người sao vẫn vẻ hời người
Nhường như cắt đánh rũa mài bấy nay.
Lấm-liệt thay, rục-rỡ thay
Hỡi người quân-tử, biết ngày nào quên (1).*

(1) Chiêm bi kỳ úc, lục trúc y y hữu phi quân-tử, như thiết như cha như trác như ma. Sắt hề giản hề, hách hề huyền hề. Hữu phi quân-tử chung bất khả huyền hề (Kinh Thi Tản-Đà trang 168 — Đại-Học trang 11 câu 3)

e) *Thánh - nhân.*—

Nhưng người quân-tử chưa phải là mẫu người lý-tưởng của Khổng-Giáo. Đó mới là giai-đoạn « thắng đường » chưa phải giai-đoạn « nhập thất » (1). Còn phải tu-luyện tâm-hồn cho tới mức cao-minh hoàn-thiện để trở nên một thánh-nhân phối hợp cùng thiên-địa.

« Đâu có tàu bè, xe cộ đi lại, đâu sức người có thể bôn ba tới, đâu có vòm trời che đất chỗ, đâu có mặt trời mặt trăng soi sáng, có sương rơi móc đọng, đâu có nhân-loại thì đều kính mến bậc đó. Cho nên nói Thánh-nhân phối-hợp với Trời » (1).

Tóm lại tu thân mới đầu thì đặt mục-tiêu nên chính-nhân quân-tử, sau là nên thánh hiền (Thủy ư vi sĩ, chung ư vi thánh-nhân) (Tuân-Tử) (2)

(1) — Tử viết : « Do chi sắt, hề vi ư Khâu chi môn » ? Môn nhân bất kính Tử-Lộ. Tử viết : « Do dã thắng đường hĩ, vị nhập ư thất hĩ

(Luận-Ngữ Tiên Tẩn XI câu 14 trang 166)

— Tử trương văn thiện nhân chi đạo. Tử viết : Bất tiến tích diệc bất nhập ư thất

(Luận-Ngữ Tiên Tẩn XI câu 19 trang 170)

« Châu xa sở chí, nhân lực sở thông, thiên chi sở phúc, địa chi sở tải, nhật nguyệt sở chiếu, sương lộ sở trụy, phàm hữu huyết khí giả mạc bất tôn thân, cổ viết phối thiên. (Trung-Dụng câu 3 trang 90)

(2) (Lịch-sử Triết-học Đông-phương I trang 204)

II — CHÍNH-TRỊ

Hoàn-thiện mình rồi phải cải thiện người khác. Chủ-trương Đức Khổng là làm chính-trị, để cải-tạo xã-hội (1).

1.— Ngài coi trường chính-trị là một nơi thuận-tiện để truyền-bá đạo-lý mình, để cải thiện người khác (2).

-
- (1) Tử Cầm vấn ư Tử-Cống viết : Phu tử chí ư thị bang dã, tất văn kỳ chính, cầu chi dư, ức dư chi dư.

(Luận-Ngũ Học Nhi I câu 10 trang 8)

Địch Công thập tứ niên Khổng-Tử niên ngũ thập lục, do đại tư khấu hành nhiếp tướng sự. Hữu hi sắc. Môn nhân viết : văn quân tử họa chí bất cụ, phúc chí bất hi. Khổng-Tử viết : « hữu thị ngôn dã. Bất viết lạc kỳ dĩ quý hạ nhân hồ ? »

— Khổng-Tử thế gia — Sử-ký tân trung-học văn khố trang 75—Sagesse de Confucius Lin Yu Tang page 63.

- (2) Tử vi Nhan Uyên viết : dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng

(Luận-Ngũ Thuật nhi VII câu 10 trang 100)

— Viết : nhiên ; tắc Khổng-Tử chi sĩ giả phi sự đạo dư ? Viết : sự đạo dã.

(Mạnh-Tử Vạ chương chương cú hạ câu 4 trang 126)

2.— Cai-trị để đem hòa-bình trật-tự lại cho dân (1)

Ngài cũng áp-dụng mấy tôn-chỉ :

1.— Soi gương lịch-sử, bắt chước đường lối các vua Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, Văn, Võ và ông Châu-Công (2).

2.— Nghiên-cứu hiện tình xã-hội (3)

(1) « Lập chi tư lập, đạo chi tư hành, tuy chi tư lai, động chi tư hòa ».

(Gây dựng cho dân tự lập, đem đạo-lý truyền-bá cho dân theo, đem an ổn lại để cho dân qui tụ, kích-dộng lòng dân cho dân hòa hợp).

(Luận-Ngũ Tử-Trương câu 25 trang 306-308)

(2) Tử viết : Nguy hồ ! Thuấn, Vũ chi hữu thiên-hạ dã, nhi bất dự yên (Luận-Ngũ Thái-Bá câu 18 trang 128)

Tử viết : Đại tai Nghiêu chi vi quân dã. Nguy nguy hồ ! Duy thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi. Đãng đáng hồ ! Dân vô năng danh yên nguy nguy hồ kỳ hữu thành công dã ! Hoán hồ kỳ hữu văn-chương.

(Luận-Ngũ Thái-Bá câu 19 trang 128)

— Trọng Ni tồ thuật Nghiêu Thuấn hiến chương Ván Võ. (Trung-Dung câu 30 trang 88)

(3) Mạnh Thị sử Dương Phu vi sĩ sự, vấn ư Tăng Tử. Tăng Tử viết : Thượng nhất kỳ đạo, dân tán cửu hỷ. Như đắc kỳ tình, tắc ai căng nhi vật hỷ.

(Tử Trương XIX câu 19 trang 302)

« Thượng luật thiên thì, hạ tập thủy thổ

(Trung-Dung câu 30 trang 88)

3.— Áp-dụng khẩu-hiệu Trung-Hòa (trật-tự, hòa-hợp) mà sửa-sang xã-hội.

Khẩu-hiệu đầu tiên của Ngài là cải thiện con người để tiến tới trật-tự hòa-bình xã-hội :

« Từ vua chí dân ai cũng phải lấy tu thân làm gốc » (1),

Căn do đồ nát của xã-hội, theo Tử thư, đại khái thế này :

1.— Người trên lỗi đạo (1)

2.— Dân chúng ngu dốt (2)

(1) Tự Thiên Tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. (Đại-Học câu 1 trang 6)

Đức giả bôn dã, tài giả mạt dã. Ngoại bôn, nội mạt, tranh dân thi đoạt Thị cổ tài tự, tắc dân tán, tài tán tắc dân tự. (Đại-học câu 10 trang 26)

Sở thơ viết : Sở quốc vô dĩ vi bửu, duy thiện dĩ vi bửu. (Đại-học câu 10 trang 26)

(2) Thượng thất kỳ đạo, dân tán cứu hỷ

Luận-Ngũ Tử Trương XIX câu 10 trang 302)

Cư thượng bất khoan, vi lễ bất kính, lâm tang bất ại, ngô hà dĩ quan chi tại.

(Luận-Ngũ Bát Dật III câu 20 trang 48)

3.— Mọi chức quyền xã-hội chỉ có danh không có thực, vua tôi, cha con diên-đảo (1).

Xưa bình rượu có khía, có góc mới gọi là «Cò». Ngày nay bình nào cũng gọi là «Cò» hết (2).

4.— Kẻ tiểu-nhân giữ trọng trách (3).

5.— Chỉ biết dùng hình-phạt pháp-luật trị dân mà không dùng lễ-nghĩa, điều hay, lẽ phải giáo-hóa dân (4).

6.— Không có tiên liệu, tổ-chức trong chính-quyền (5).

(1) Tử viết : Di địch chi hữu quân bất như chư Hạ chi vô dã. (Luận-Ngữ Bát Dật III câu 5 trang 32)

(2) Tử viết : Cò bắt cò, cò tai cò tai.

(Luận-Ngữ Ung Dã VI câu 23 trang 94)

(3) Tử viết : Bĩ phu khả dư sự quân dã dư tại ? Kỳ vị đắc chi dã hoạn đắc chi. Kỳ đắc chi hoạn thất chi. Cầu hoạn thất chi, vô sở bất chí hĩ.

(Luận-Ngữ Dương-Hóa XVII câu 15 trang 276)

— Đức bậc nhị vị tôn, trí tiểu nhị mưu đại, lực tiểu nhị nhiệm trọng, tiền bất cập hĩ

(Dịch hệ từ hạ) (Nho giáo TTK I 175)

(4) Tử viết : Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình dân miễn nhi vô si

(Luận-Ngữ Vi Chính II câu 3 trang 14)

(5) Bất dự tắc phế (Trung-Dụng câu 20 trang 72)

7.— Không soi gương lịch-sử nghiên-cứu căn-đo thành bại của chính khách thời xưa (1).

Vì thế muốn đem hòa-bình trật-tự cho xã-hội, vị Quốc-trưởng :

1.— Phải là chính nhân quân-tử. Làm chính-trị là cải thiện dân. Nếu các bậc lãnh-đạo mà ngay chính thì ai còn dám bắt chính (2). Các vị lãnh-đạo dân-tộc có ảnh-hưởng lớn tới dân. Các ngài như làn gió, dân chúng như ngọn cỏ, gió thổi thì cỏ rạp theo chiều (3).

(1) Mạnh-Tử viết : Tam đại chi đắc thiên hạ dã dĩ nhân, kỳ thất thiên hạ dã, dĩ bất nhân. Quốc chi sở dĩ phế hưng tồn vong giả diệc nhiên

(Hạ Mạnh-Tử — Ly lâu câu 3 trang 10)

(2) Vi chính dĩ đức, thí như bắc thần ; cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi (Vi Chính II câu 1 trang 14)

Tử suất dĩ chính,

Thực cảm bất chính ?

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 16 trang 190)

Tử dục thiện nhi dân thiện hỹ

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 18 trang 190)

Đạo đắc chúng tắc đắc quốc, thất chúng tất thất quốc

Thị cố quân tử tiên thận hồ đức... Đức giả bồn dã.

(Trung-Dung câu 10 trang 26)

(3) Quân-tử chi đức phong, tiều nhân chi đức thảo.

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 18)

2.— Phải trọng nhân-vị, không được tàn-sát (1).

3.— Cần phải tin kính Trời (2).

« Ai hiểu rõ ý nghĩa cuộc tế Thượng-Đế thì trị thiên-hạ như trở bàn tay ».

« Không biết Trời, sao hiểu nổi người ? » (2)

4.— Phải giáo-hóa dân (3).

5.— Phải cho dân niềm tin-tưởng.

Vì người không có tin-tưởng, tin-ngưỡng, thì như xe ngựa xe bò không ách, không khiu làm sao mà đi được (4).

(1) Tử vi chính, yên dụng sát ?

(Nhân Uyên XII câu 18 trang 190)

(2) Cổ quân-tử bất khả dĩ bất tu thân ; tu tu thân, bất khả dĩ bất sự thân ; sự sự thân bất khả dĩ bất tri nhân ; tri tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên.

(Trung-Dung câu 20 trang 66)

— Minh hồ Giao Xá chi lễ, Đế Thường chi nghĩa, trị quốc kỳ như thị chư chương hồ

(Trung-Dung câu 19 trang 64)

Hoặc vấn Đế chi thuyết. Tử viết : Bất tri dã. Tri kỳ thuyết giả chi ư thiên hạ dã, kỳ như thị chư hồ, chi kỳ chương.

(Luận-Ngữ Bát Dật III câu 11 trang 36)

(3) Giáo chi (Luận-Ngữ Tử-Lộ XII câu 9 trang 202)

(4) Tử viết : Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã. Đại xa vô nghệ, tiểu xa vô ngột, kỳ hà dĩ hành chi tại.

(Vi Chính II câu 22 trang 26)

Tử-Cống hỏi về cách cai-trị. Đức Khổng đáp :
« Đủ lương thực, đủ binh lực, có tín-ngưỡng ».
Tử-Cống hỏi : « Bất đắc dĩ phải bỏ một điều thì
bỏ gì ? » Đáp : « Bỏ binh lực ». Tử-Cống gạn hỏi :
« Bất đắc dĩ phải bỏ thêm một điều nữa thì bỏ
gì ? » Đáp : « Bỏ lương thực. Xưa nay ai cũng chết
một lần. Nhưng dân thiếu tín-ngưỡng sẽ suy
sụp (1) ».

6.— Phải biết cải thiện các cấp chỉ-buy cho
tài-đức xứng kỳ vị.

(1) Tử-Cống văn chính. Tử viết : Túc thực, túc binh,
dân tín chi hĩ. Tử-Cống viết : Tất bất đắc dĩ nhi
khử, ư tư tam giả hà tiên ? Viết khứ binh. Tử-
Cống viết : « Tất bất đắc dĩ nhi khử, ư tư nhị giả
hà tiên ? Viết : Khử thực. Tự cô giai hữu tử. Dân
vô tín bất lập.

Đó là thuyết « chính danh » của Đức Khổng (1)

- (1) Tề Cảnh-Công vấn chính ư Khổng-Tử. Khổng-Tử đối viết : Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 11 trang 188)

Tử-Lộ viết : Vệ quân dãi Tử nhi vi chính. Tử tương hề tiên. Tử viết : Tất dã chính danh hồ. Tử-Lộ viết : Hữu thị tại ? Tử chi vu dã. Hề kỳ chính ? Tử viết : Dã tại Do dã. Quân-tử ư kỳ sở bất tri, cái khuyết như dã. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận. Ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành, tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng, tắc hình phạt bất trúng, hình phạt bất trúng, tắc dân vô sở thố thủ túc. Cổ quân-tử danh chi tất khả ngôn dã, ngôn chi tất khả hành dã .. (Luận-Ngữ Tử-Lộ XIII câu 3 trang 196-198)

Tử-Lộ hỏi : Nếu vua Vệ đọi thầy về đề mời tham chính, thầy làm gì trước ? Đức Khổng đáp : Phải chính danh. Tử-Lộ đáp : Thật à ? Thầy nói vu vơ quá, thế nào là chính ! Đức Khổng đáp : Trò Do quê mùa quá, người quân-tử không biết thì đừng nói. Danh vị không đúng thì ăn nói ngượng ngùng, xử sự lúng túng, lễ nhạc bê trễ, hình phạt bất minh, thành dân không biết xoay xở ra sao. Hễ người quân-tử nói tới danh phận thì có thể định-nghĩa ngay, định-nghĩa được, ắt thực hành được.

Danh chính ngôn thuận trong Kiều :

— Khi ăn khi nói lỗ làng,

Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh...

... Điền dâu lấy yến làm oanh,

Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì...

... Rõ ràng thật lứa đôi ta.

Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi...

... Bây giờ đất thấp trời cao.

Ăn làm sao nói làm sao bây giờ ?..

7.— Gạt kẻ bất-tài, kẻ tiểu-nhân ra khỏi trường chính-trị vì :

Khi họ chưa được lộc-vị thì lo-lắng luôn cúi cho được, khi đã có địa-vị thì lo sợ mất đi. Nếu đã lo sợ mất miếng mồi phú quý thì có gì mà họ chẳng dám làm (1).

Phải biết dùng người hay, bỏ kẻ dở. Đó là thuyết « Tuyền hiền dữ năng » « Cử trực thố uồng » của Đức Khổng (2).

(1) Tử viết : Bi phu khả dữ sự quân dã dư tại. Kỳ vị đắc chi dã, hoạn đắc chi, ký đắc chi, hoạn thất chi. Cầu hoạn thất chi, vô sở bất chí hĩ

(Luận-Ngữ Dương-Hóa XVII câu 15 trang 276)

(2) Cử trực, thố chư uồng, năng sử uồng giả trực.

(Luận-Ngữ Nhan-Uyên câu 21 trang 192)

... Thuần hữu thiên hạ, tuyền ư chúng Cao Dao, bất nhân giả viễn hĩ. Thang hữu thiên hạ, tuyền ư chúng cử Y-Doãn, bất nhân giả viễn hĩ.

(Luận-Ngữ Nhan XII câu 21 trang 194)

Trong Cung vi Quý Thị tề vấn chính. Tử viết : Tiên hữu-tư, xá tiều quá, cử hiền tài.

(Luận-Ngữ Tử-Lộ XIII câu 2 trang 196)

Ai Công vấn viết : Hà vi tắc dân phục. ? Khổng-Tử đối viết : Cử trực thố chư uồng, tắc dân phục. Cử uồng thố chư trực tắc dân bất phục.

(Vi Chính II câu 19 trang 24)

Đại đạo chi hành dã, thiên-hạ vi công, tuyền hiền dữ năng, giảng tín tu mục.

(Lễ ký (Tân Trung-học Văn khố) Thiên Lễ Vận trang 34)

5.— Phải lấy lễ cải hóa dân. Lễ bao gồm : Lễ nghĩa (điều hay lẽ phải), lễ-nghi (1), lễ-độ, kỷ-luật, kỷ-cương.

6.— Dùng lời khen chê (bao biếm) cải hóa dân để dân đi đến chỗ tự xử, tự giác ; bất đắc

(1) Tử viết : Lễ dã giả lý dã. Nhạc dã giả tiết dã, Quân tử vô lý bất động vô tiết bất tác.

(Trọng Ni Yến Cư. Lễ ký Tân Trung-học Văn khố trang 153)

Tử viết : Minh hồ giao, xả chi nghĩa, Thường, Đế chi lễ trị quốc như chi chư chương nhi dĩ hồ. Thị cố dĩ chi cư xử hữu lễ : cổ trường ấu biên dã Dĩ chi khuê môn chi nội hữu lễ, cổ tam tộc hòa dã, dĩ chi triều đình hữu lễ cổ quan tước tư dã, dĩ chi điền lạc hữu lễ, cổ nhung sự nhàn dã, dĩ chi quân lữ hữu lễ, cổ vô công thành dã.

(Trọng Ni Yến Cư. Lễ ký Tân Trung-học Văn khố trg 151 — Nho giáo Trần-trọng-Kim I trg 147 và tiếp theo)

Pour l'homme ordinaire, fortement attaché à ses sens, les formes dualistes de la religion, auxquelles sont incorporés des soutiens matériels, tels que musique, symboles, etc... ont leur utilité.

(L'enseignement de Ramakrishna page 444)

... Honore l'esprit et la forme, à la fois le sentiment intérieur et le symbole extérieur (ibidem 170).

đĩ mới dùng đến hình phạt (1), ngày nay ta gọi đó là « Nhân-trị chủ-nghĩa ».

7.— Lo cho dân đông, dân no (2).

« Nếu dân no đủ, thì vị quốc-quân sao thiếu thốn được. Nếu dân không no đủ, thì vị quốc-quân giàu có với ai ! (3) ».

(1) Nhất tự chi bao, vinh ư hoa còn, nhất tự chi biếm nhục ư phủ việt.

(Trần-trọng Kim Nho Giáo I trang 198)

Tử viết :

— Thính tụng ngô do nhân dã. Tất dã, sử vô tụng hồ.

(Luận-Ngữ Nhan Uyên XII câu 13 trang 188)

— Tử viết : « Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô si. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu si thả cách.

(Luận-Ngữ Vi Chính II câu 3 trang 14)

(Dân-Luật Vũ-văn-Mẫu trang 29)

— Sát nhất vô tội phi nhân dã.

(Mạnh-Tử Tân Tâm thương câu 33 trang 242)

— Hành nhất bất nghĩa, sát nhất bất cô, nhi đắc thiên-hạ, giai bất vi giã.

(Mạnh-Tử Công tôn sừ thượng câu 2 trang 96)

(2) Tử thích Vệ Nhiễm Hữu bộc. Tử viết: Thứ hỷ tai. Nhiễm Hữu viết: kỳ thứ hỷ, hữu hà gia yên. Viết phú chi. Viết: ký phú hỷ, hữu hà gia yên. Viết giáo chi
(Tử-Lộ XIII câu 9 trang 202)

(3) Đối viết. Bá tánh túc, quân thực dư bất túc. Bá tánh bất túc, quân thực dư túc.

(Nhan Uyên XII câu 9 trang 186)

8.— Phải luyện binh - sĩ (1), nhưng ghét chiến-tranh.

9.— Phải biết tiên liệu tổ-chức. Trung-Dung nói: Hễ việc chi có xếp đặt trước thì được thành-công, bằng chẳng dự-bị thì thất-bại. Lời nói, mạng lệnh đã định sẵn thì chẳng vấp vường, công việc đã tính trước ắt chẳng gặp khó-khăn bỡ-ngỡ, đường lối có được qui-định trước mới khỏi lồi lõm. Phép tắc có vạch sẵn mới thanh-thoát (2).

10.— Phải soi gương lịch-sử bắt chước đức độ Vua Nghiêu, Vua Thuấn, biết thương dân như con ; bắt chước óc tổ-chức của Vua Văn, Vua

(1) Tử viết : Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí chi.

(Tử-Lộ XIII câu 30 trang 212)

(Si vis pacem, para bellum)

— Vệ-Linh-Công văn trợn ư Khổng-Tử. Khổng-Tử đối viết : « Trở đậu chi sự, tắc thương văn chi hĩ. Quân-lữ chi sự, vị chi học dã ». Minh nhật toại hành.

(Vệ-Linh-Công XIV câu 1 trang 238)

— Mạnh-Tử viết : Hữn nhân viết : Ngã thiện vi trợn ngã thiện vi chiến. Đại tội giả.

(Mạnh-Tử Tận Tâm Hạ câu 4 trang 256)

(2) Phàm sự dự tắc lập, bất dự tắc phế. Ngôn tiền định tắc bất cấp, sự tiền định, tắc bất khốn. Hạnh tiền định tắc bất cửu. Đạo tiền định tắc bất cùng.

(Trung-Dung trang 72)

Võ, của Châu-Công (1).

Tóm lại, muốn được vậy, vị Quốc-trưởng phải là một vị thánh-nhân.

Vì Ngài vừa thay dân tế Trời (Pontife),

Vừa thay Trời để cải thiện dân (Roi).

Đấng thánh-nhân đó sẽ như ngôi sao bắc-dầu cho dân qui tụ. Ngài sẽ dùng hiền tài để trị dân (2).

Ngài sẽ tu thân, xa nữ-sắc, xa tiểu-nhân xiêm-nịnh, tôn-trọng hiền-tài, thương xót họ-mạc, trọng-kính các quan lớn, biết xét công lao, nâng đỡ cho toàn-thể công-bộc quốc-gia, thương dân như con, chiêu-mộ các nhà công-nghệ, trọng đãi người ngoại quốc, bảo-vệ các nước nhỏ (3).

(1) Châu-Công tư kiêm tam vương dĩ thi tứ sự. Kỳ hữu bất hợp giả, ngưỡng nhi tư chi, dạ dĩ kế nhật. Hạnh nhi đắc chi, tọa dĩ đãi dân.

(Mạnh-Tử Ly-Lâu-Hạ câu 20 trang 50)

(2) Tử viết : Vi chính dĩ đức. thí như bắc thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh cũng chi.

(Vi Chính II câu 1 trang 14)

(3) Phàm vi thiên-hạ quốc-gia hữu cửu kính ; viết : Tu thân dĩ tôn hiền dã, thân thân dã, kính đại thần dã, thề quần thần dã, tử thứ dân dã, lai bá công dã, nhu viễn nhân dã, hoài chư hầu dã v.v..

(Trung-Dung trang 68-70)

Đấng quốc-quân đó lúc nào cũng tâm niệm : « làm quốc-quân khó, mà làm quan chẳng phải dễ (1) », và không bao giờ độc đoán chủ-trương : « không ai được cãi lời ta » (2).

Ngài thi ân mà không tổn của, bắt dân làm mà vẫn được lòng dân, nhiều ước muốn nhưng không tham-lam, thư-thái mà chẳng kiêu-căng, uy-nghi nhưng không hung-hãn (3).

Thi ân không tổn của là lo khai-thác nguồn lợi cho dân, bắt dân lao tác nhưng hợp thời

(1) Vi quân nan, vi thần bất dị. Như tri vi quân chi nan dã, bất cơ hồ nhất ngôn nhi hưng bang hồ.

(Luận-Ngữ Tử-Lộ XIII câu 15 trang 204)

(2) Viết : Dư vô lạc hồ vi quân, duy kỳ ngôn, nhi mạc dư vi giả. Như kỳ thiện mạc chi vi dã, bất diệc thiện hồ ? Như bất thiện, nhi mạc chi vi dã, bất cơ hồ nhất ngôn nhi táng bang hồ.

(Luận-Ngữ Tử-Lộ XIII câu 15 trang 204)

(3) Tử-Trương vấn ư Khổng-Tử viết : « Hà như tư khả dĩ tòng chính hĩ ». Tử viết : « Tồn ngũ mỹ, bính tứ ác, tư khả dĩ tòng chính hĩ ». Tử-Trương viết : « Hà vị ngũ mỹ ? » Tử viết : « Quân-tử huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán, dục nhi bất tham, thái nhi bất kiêu, oai nhi bất mãnh.

(Luận-Ngữ Nghiêu viết XX câu 2 trang 312)

đúng lúc thì dân dẫu ca thán, ước muốn nhân nghĩa thì sao mang tiếng tham-lam, đối với dân chúng bất kỳ ít nhiều, lớn nhỏ luôn có một thái-độ nhã-nhận đó là thư-thái mà chẳng kiêu căng, mũ áo chỉnh tề, dáng đi nét mặt trang-nghiêm, khiến dân trông vào tự nhiên kính sợ, như vậy là uy-nghi mà không hung-bạo (1).

Ngài không bao giờ : chém giết trước khi giáo-hóa bảo ban, không đòi hỏi thành công khi chưa chỉ-thị hướng-dẫn, không bao giờ ra lệnh chậm trễ mà bắt hoàn thành cấp tốc, không so-kè biên-lận khi tướng-thưởng (2).

(1) Tử-Trương viết : « Hà vị huệ nhi bất phí ? » Tử viết : « Nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi : tư bất diệc huệ nhi bất phí hồ. Trạch khả lao nhi lao chi : hựu thù oán ? Dục nhân chi đắc nhân : hựu yên tham ? Quân tử vô chúng quả, vô tiều đại, vô cảm mạn : tư bất diệc thái nhi bất kiêu hồ. Quân-tử chính kỳ quan, tôn kỳ chiêm thị, nghiêm nhiên nhân vọng nhi úy chi ; tư bất diệc oai nhi bất mãnh hồ ? »

(Luận-Ngữ Nghiêu viết 312 XX câu 2)

(2) Tử-Trương viết : Hà vị tứ ác. Tử viết : bất giáo nhi sát, vị chi ngược ; bất giáo thị thành, vị chi bạo. Mạn lệnh trí kỳ, vị chi tặc. Du chi dữ nhân dã, xuất nạp chi lận, vị chi hữu tư.

(Luận-Ngữ Nghiêu viết XX câu 2 trong 314)

Ôi, làm chính-trị khó vậy thì những hạng «đầu, sao chi nhân» (1), những phường giả áo, túi com làm sao mà vươn lên được. Và nếu theo đúng thuyết «chính danh» thì mấy ngàn năm nay, ngôi vua quan chắc là trống rỗng.

-
- (1) Viết : Kim chi tùng chính giả hà như. Tử viết : « Y ! đầu, sao chi nhân, hà túc toán dã !
 Nay chính giới ra sao. Ngài đáp : Ôi ! xá gì những hạng đầu, sao.

(Luận-Ngữ Tử-Lộ XIII câu 20 trang 208)

V.— SỰ BIẾN-THIÊN KHỔNG-GIÁO QUA CÁC THỜI-ĐẠI

Tóm lại Đức Khổng tin-tưởng :

1.— Thượng-Đế là đấng linh-thiên hữu ngã toàn năng, toàn thiện, tạo thành muôn vật (1), vô biên, ngự trị trong vũ-trụ (2) mà cũng ân-áo

(1) Thành giả tự thành dã, nhi đạo tự đạo dã. Thành giả vật chi chung thủy. Bất thành vô vật. Thị cố quân-tử thành chi vi mỹ.

Đấng hoàn-hảo đó là đấng tự hữu. Tiêu-chuẩn tối cao đó là tiêu-chuẩn của chính Ngài. Đấng hoàn hảo đó là nguồn gốc và cùng đích muôn loài. Không Ngài không có muôn vật. Cho nên lý-tưởng người quân-tử là hoàn-hảo cải-thiện mình.

(Trung-Dung câu 25 trang 78)

(2) Diên phi lệ thiên, ngư dưc vu uyên : Dấu (ta có cánh như) diều tung bay trên trời cao thăm, dấu (ta có tài như) cá ngoi lặn xuống vực sâu (ta vẫn thấy có trời ở đó). (Trung-Dung câu 12 trang 52)

Nếu tôi lên Trời, Chúa ở tại đó, nếu tôi xuống Âm phủ kia Chúa cũng có ở đó, nhược bằng tôi lấy cánh hừng đông bay tới thiên nhai hải giác, tại đó tay Chúa cũng sẽ dẫn dắt tôi. tay hữu Chúa sẽ nắm giữ tôi : (Si je monte aux cieux tu y es, si je me couche dans le chéol te voilà ! Si je prends les ailes de l'aurore et que j'aie habiter au plus loin de la mer, là encore ta main me conduira et ta droite me saisira).

(Psauem 139 Domine probasti me 8-10)

ngự trị trong đáy lòng người (1).

2.— Tâm-hồn ta có hai phần : một phần cao-minh linh-diệu, hoàn-thiện bất biến : đó là lương-

(1) Thiên địa chi đại dã, nhân do hữu sở hám. Cổ quân tử ngự đại, thiên hạ mạc năng tải yên, ngự tiểu, thiên hạ mạc năng phá yên.

Thiên-hạ mênh-mông mà người vẫn chưa vừa lòng, vì quân-tử nói đến chỗ bao la (của Trời) thì thiên-hạ không thể chứa nổi hết, mà nói tới chỗ nhỏ nhặt ần áo (của Trời) thì không chỉ tách bạch được.

(Trung-Dung câu 12 trang 52)

— Kỳ thư thủy ngôn nhất lý, trung tán vi vạn sự, mật phục hạp vi nhất lý. Phóng chi tắc di lục hạp, quyện chi tắc thối tàng ư mật (Trung-Dung trang 38)

— Sách này thoát tiên nói về một nguyên lý, rồi phân tán ra vạn sự, sau lại qui tất cả về nguyên lý. Nguyên lý đó phóng ra thì bao hàm phổ-cập khắp vũ-trụ, thu lại thì rút vào thâm tâm, ần áo huyền-vi.

— « Thần có một và ở khắp mọi nơi, thì cái thần của mình tức là cái thần của Trời Đất. Vậy nên người quân-tử phải thận độc, nghĩa là phải kính cần lúc một mình, không có dối mình bao giờ ».

Người « thận độc » thì có thể theo được thiên lý mà hành-dộng. Đã theo được thiên lý mà hành-dộng thì ta là một cái vũ-trụ riêng, sức tạo-hóa ở ta không bị vật khác đè nén được mà ta có thể tề chế được các vật ». (Thiệu-Khang-Tiết) (Nho giáo II trang 113)

tâm, là Tính, là Minh-Đức, Thiên-Lý (1); một phần là ta, hèn mọn, biến-thiên, cần được rèn

(1) Dẫn chứng theo Tứ thư : Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo (Trung-Dung). « Trong ta có tính trời, theo tính trời đó là giữ đạo.

... Phạt kha phạt kha kỳ tắc bất viễn chấp kha dĩ phạt kha, nghệ nhi thị chi, du dĩ vi viễn. Cố quân-tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chi.

(Trung-Dung trang 54 câu 13)

« Đẻo rìu, đẻo rìu, mầu mực chẳng xa

Cầm rìu đẻo rìu, ngắm đi ngắm lại

Vẫn thấy chưa phải...»

(Cái tâm mình như gỗ đề đẻo cho ra cán búa, còn cái dao nơi mình cũng như cái cán kiêu mầu, ra sức đẻo gọt mãi cho nó giống y với mới thôi).

— Hai câu trên gọi lên cho ta thấy tâm-hồn là nhị nguyên : một phần làm mẩu mực bất biến (lượng-tâm) một phần biến nhiên cần đẻo gọt theo mẩu mực đó.

(b) Quảng luận bằng quan niệm Tống-Nho :

Thiệu-Khang-Tiết : « Người cũng sinh sinh hóa hóa như Trời Đất, chỉ khác có một lâu hay một chóng mà thôi. Song trong sự biến hóa của vũ-trụ có một phần làm chủ-động không bao giờ tiêu diệt đi được. Phần ấy ở trời đất thì gọi là thiên-lý, ở người thì gọi là tính. Tính và thiên-lý cùng đồng một thể và rất thiêng-liêng, rất sáng suốt người ta nhờ đó mà biết thiện ác. Thánh hiền sở dĩ nói tính thiện là cũng bởi cái lẽ ấy vậy. (Nho giáo II trang 112)

luyện mới có thể trở nên tốt (1).

3.— Như vậy trong thâm-tâm ta cũng có trời ngự-trị. Ánh sáng muôn trùng đó làm cho con người có giá-trị cao-siêu. Nhưng đó mới là sự gần-gũi trong không-gian, gần trong gang tấc mà cách ngoài quan san, gần-gũi mà cách xa nhau bằng cả một vực thẳm, gần-gũi mà vẫn so-le như đất với trời. Hơn nữa, một vật không chiếu ảnh xuống được một mặt nước sóng gió; trời cũng không thể chiếu ảnh Ngài được trong một tâm-hồn xao-xuyến bởi gió bão dục tình. Vì thế muốn tiến tới hoàn-thiện, trước tiên phải « chính tâm », phải cho tâm - hồn lắng xuống rồi mới

-
- (1) « Theo cái thuyết của Thiệu-Khang-Tiết thì có tính là có tình. Tình là cái phản ảnh của tính như mặt trăng là cái bóng sáng của mặt trời chiếu lại. Tính là thần, tình là quỷ, nghĩa là tính là ngay, sáng suốt, tình thì quỷ quái mờ tối. Vậy nên người ta cần phải « phục tính » tức là phải quay trở lại theo cái nguyên tính của mình. Mình đã phục lại cái nguyên tính thì tự mình thiêng-liêng, sáng suốt, trong trời đất không đâu là không thấu được mà cũng không bao giờ bị âm-dương thụ nhiếp được. Ấy thế là mình tới đến cái thần (Nho giáo Trần-trọng-Kim II trang 112)

tim thấy đấng tối cao (1).

(1) Tri chỉ nhi hậu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự. Lự nhi hậu năng đắc.

... L'enseignement de Ramakrishna page 443 :

Savez-vous ce que le Bhakta (adorateur de Dieu) pense et sent en réalité ? Il dit : « O Seigneur ! Tu es le maître et je suis ton serviteur, Tu es ma mère et je suis ton enfant... ou bien « Tu es le Tout et je suis la partie. Le Bhakta ne dit jamais : « Je suis Brahman ».

— Un objet ne peut se refléter dans une eau ridée par le vent, de même, Dieu ne peut se refléter dans notre lac mental, si celui-ci est agité par le vent des désirs...

(ibidem page 464)

— Le temple de notre corps ne doit être tenu dans les ténèbres, il faut allumer en lui la lampe de la connaissance. Allumez la lampe de la sagesse dans votre chambre et contemplez le visage de la mère Divine, chacun peut atteindre à cette connaissance. (ibidem page 9)

... La nature réelle de l'homme : En ajoutant des zéros, on peut élever le chiffre « un » à n'importe quelle valeur— mais ces mêmes zéros ne vaudront rien par eux-mêmes si ce chiffre « un » est omis.

De même, aussi longtemps que l'âme individuelle (jiva) n'est pas unie à Dieu, elle n'a aucune valeur, car toutes les choses d'ici-bas n'en prennent que dans la mesure où elles sont en contact avec Dieu. Dieu seul, au delà de ce monde, est la personnalité qui peut conférer de la valeur. Le jiva (le moi individuel) gagne donc tant qu'il travaille pour le Seigneur et s'attache à Lui. Si, au contraire, il laisse Dieu de côté, tout en travaillant avec succès pour sa propre gloire — il n'en retirera rien (ibidem page 10-11)

4.— Mục-dích đời ta là cố bắn cho trúng hồng tâm, theo cho đúng định-mệnh, cố san bằng sự chênh-lệch so-le giữa «Tâm» và «Tính», theo tiếng lương-tâm, tiến tới hoàn-thiện, vào con đường Trung-Dung tức là con đường «Trọn hảo ngay chính» (1).

(1) Trung theo từ nguyên là một tên bắn vào hồng tâm của cái đích (Tchoung : le centre ; Tchoung : toucher le centre, atteindre ; image d'une cible carrée percée au centre par une flèche (Lecons étymologiques Wiegner 260) (và đây là hồng tâm theo kinh Upanishad : O bel adolescent, prends cet arc, l'arme puissante de la Sagesse sacrée, fixe la flèche (du moi) aiguisée par une adoration dévouée, tire-la avec le mental absorbé dans sa pensée et frappé le but, cet être impérissable ! (Mundaka — Upanishad II 2, 3, 5)

(Enseignement de Ramakrishna page 132)

(Hỡi thiếu-niên ưu-tú, hãy khôn ngoan dùng cung-thần lấp tên bắn ngã đã được mài nhọn bằng lòng sốt mền kính thờ, hãy bắn đi, bắn với cả một tâm trí miệt mài chăm ngắm vào Ngài, hãy bắn trúng đích, bắn đúng vào Đấng vô cùng!).

Mạnh-Tử viết : Không-Tử bất đắc trung đạo nhi dữ chi, tất dã cuồng quyển hồ ? Cuồng giả tấn thủ, quyển giả hữu sở bất vi dã. Không-Tử khởi bất dục trung đạo tại ? Bất khả tất đắc cố tư kỳ thứ dã ?

(Mạnh-Tử Tận Tâm Hạ trang 280)

Mạnh Tử nói : Đức Không chẳng được hạng người đạt tới mức Trung-Dung mà truyền đạo, nên phải lựa hạng cuồng, quyển. Cuồng là người quyết tâm tiến thủ, quyển là người theo lẽ thị phi. Đức Không thực tình muốn môn-đệ đạt mức hoàn-thiện, nhưng không ai lĩnh-hội được, nên phải dùng hạng dưới,

5.— Nhưng tu thân chưa đủ còn phải cải thiện đồng loại, cải tiến xã-hội ; nếu Nhân, Trí, Dũng là ba đức tính tối cao, thì nghĩa quân-thần, phụ-tử, côn-đê, bằng-hữu cũng là năm nghĩa-vụ tối đại ; « thân thân » nhưng cũng còn phải phiếm ái chúng nhân (1).

6.— Sứ-mạng sau cùng là « thành vật » cải thiện « hoàn-cảnh sinh-hoạt ».

Như vậy học-thuyết Không-Tử là một học-thuyết bắt nguồn từ trời, chú trọng đến tu-luyện bản-thân, nhưng không quên hai chữ hiếu trung, tu tâm nhưng không quên lý-trí và ý-chí, đề cao tinh-thần nhưng cũng không quên cải-thiện hoàn-cảnh sinh-hoạt (2). Cải-thiện mình, cải tiến đồng loại, cải-thiện hoàn-cảnh sinh-hoạt nhưng không phải để mong cầu danh kiếm lợi, mà là mong nên thánh hiền, có thể « phối thiên ».

(1) Phiếm ái chúng nhi thân nhân.

(Luận-Ngũ Học-Nhi I câu 6 trang 6)

Cố nhân bất độc thân kỳ thân.

(Lễ ký thiên Lễ vận trang 34)

(2) Thành giả, phi tự thành kỷ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã. Thành kỷ, nhân dã ; thành vật, trí dã ; tính chi đức dã, hiệp nội-ngoại chi đạo dã. Cố thì thổ chi nghi dã.

(Trung-Dung câu 25 trang 70)

Tầm mắt Đức-Khổng là tầm mắt vĩ-nhân, dùng học-vấn và quan sát mà nhận thấy Thượng-Đế, tìm ra một phương-pháp cải-tiến xã-hội, một con đường đưa nhân-loại về cùng Thượng-Đế, các học giả sau phần nhiều tầm mắt hẹp hòi không vượt quá được phạm-vi cá-nhân, gia-đình, xã-hội, vì thế qua các thế-hệ, Khổng-giáo ngày một thêm lu-mờ những phần cao-diệu, ngày một thêm nặng-nề vì những ức-thuyết sai lầm.

Ngay các môn-dệ Ngài, cũng ít người tâm đắc được đạo Ngài. Trong tám môn phái, chỉ có phái Tăng-Tử là linh-hội được cái cao-diệu của đạo, còn các phái khác thì vụn-vặt chi-tiết.

Đây là ý kiến Tử-Du phê-bình môn phái Tử-Hạ « Học trò của Tử-Hạ, rửa bát quét nhà giỏi, ứng đối lanh, tới lui lẹ, chỉ làm được như vậy thôi. Đó là những việc học nhỏ-nhít, phụ thuộc, còn những việc học lớn-lao, chính gốc thì chẳng thấy dạy. Dạy học như thế sao nên »
(Luận-Ngữ trang 300) (Tứ-Trương XIX câu 12)

Mạnh-Tử hầu như thấu triệt được mọi quan-diêm Ngài, nhưng lúng-túng trong thuyết tính thiện, chủ-trương người sinh ra vốn tốt, chỉ vì tập quán làm cho xấu.

Vì vậy Tuân-Tử đã đả-kích kịch-liệt quan-diêm đó, nhưng Tuân-Tử lại chôn vùi cái phần

linh-diệu của tâm-hồn, coi người có một bản tính hoàn-toàn xấu, nên cần phải chế-ngự bằng hình phạt, bằng pháp-luật, Ông cũng cố quên cả trời chỉ cốt lấy lý-luận mà suy xét, tổ-chức, cải-thiện cuộc đời. Nếu con người trong lịch - sử Trung-Hoa có bị chà đạp dày vò, thì cũng là trách-nhiệm một phần nào của Tuân-Tử (Wieger 276 *Histoires des Croyances religieuses*).

Đời Lưỡng-Hán, Tam-Quốc, Lục-Triều, Nho học vì cần phải phục-hồi nguyên văn, nguyên bản sau nạn chôn nho, đốt sách đời Tần, nên quay sang học ý, học nghĩa từng chữ từng câu, quay sang học các chú-thích của các môn phái, thành thử chỉ biết nghĩa đen các câu văn mà quên mất phần tổng hợp ý tưởng sâu xa. Đó là lối học Huấn Hổ, Chú Sớ.

Đến thời Tống, tuy có các danh-nho như Chu-Hi, Trình-Tử, nhưng họ đã phạm một lỗi lầm lớn là hủy hoại mất ông Trời linh-thiên, hữu ngã của đạo Khổng, đem thay thế bằng cái Lý-Thái-Cực, một sức mạnh mù quáng ; mọi sự là do âm-dương biến-hóa, không có an-bài của ai hết (1).

(1) Thiên địa vạn vật chi lý vô độc, tất hữu đối, giai tự nhiên nhi nhiên, phi hữu an bài dã.

(Trần-trọng-Kim Nho giáo II trang 120)

Trời đã chết, giá-trị tâm-linh con người cũng chẳng còn, nhưng vẫn phải giữ lễ lối truyền-thống của đạo Nho, nghĩa là con người vẫn phải trọng danh tiết, phải tận trung ái-quốc, con người vẫn phải gò bó mình vào trong lễ-giáo cổ-truyền.

Thế là con người hết định-mạng cao-siêu, sống vì vua, chết vì vua, sống gian-lao, chết vô nghĩa và biết bao trung-thần liệt-sĩ vì hiền lành định-mệnh mình đã chết oan dưới lưỡi gươm oan nghiệt. Họ y như cái cung đã bắn chết chim rồi thì phải bẻ, như con chó săn khi đã bắt được thỏ rồi thì phải hạ sát.

Người ta học không phải làm thánh hiền mà học để làm quan, cầu danh kiếm lợi :

— *Chèo thuyền đến bến thày Chu,
Bút nghiên là dấu võng dù cân đai.*

Và trong tâm-hồn mọi nam-nhi, thay vì có ảnh-tượng của đấng tối cao thì có một hoài bão kinh bang tế-thế, có một lý-tưởng võng dù cân đai nằm gọn ở trong.

Kịp đến thời nhà Minh, nhờ có Vương-dương-Minh, nho-giáo chân chính, nguyên thủy lại được cải tử hoàn sinh.

Vương-dương-Minh xác định lại cái phần linh - diệu trong người bằng một danh - từ là « lương tri » và dạy dân quay lại bản thân mà tìm cho thấy đạo Trời. Vương-dương-Minh đã được suy-tôn không phải vì thuyết tri hành hợp nhất của ông mà chính là vì ông đã làm sống lại đạo Khổng chân-chính.

PHÊ-BÌNH VÀ TỔNG-LUẬN

Phê-bình Đức Khổng thì có nhiều người phê-bình kể từ các môn-đệ.

Khi bị tuyệt lương ở giữa nước Sái, nước Trần, môn-đệ đói lả và thất-vọng. Đức Khổng vờn Tử-Lộ mà hỏi : « Kinh Thi có câu : « Chẳng phải té, chẳng phải hồ, sao lang-thang nơi hoang dã ». Đạo ta có gì chệch-lệch mà thầy trò ta đến nông nổi này ! »

Tử-Lộ đáp : « Đó là tại ta chưa hoàn toàn nhân đức nên dân không tin, đó là tại ta chưa hoàn toàn sáng suốt, nên dân không theo ».

Đức Khổng trả lời : « Nếu người hiền nhân quân-tử bao giờ cũng được dân tin thì sao Bá-Di, Thúc-Tề phải chết đói trong núi, nếu khôn ngoan mà người theo, thì sao Tử-Can phải chết ».

Ngài lại cho vờn Tử-Cống vào, cũng hỏi y như vậy. Tử-Cống đáp : « Đạo thầy cao quá nên

dân không theo được, phải hạ xuống cho bằng trình-độ họ ». Đức Khổng trả lời : « Người nông phu biết gieo giống nhưng không bảo đảm được mùa màng, người thợ tinh xảo không chiều cho hết được khách hàng, người quân-tử có thể tu-luyện đạo-đức, có thể hệ-thống được đạo-lý mình, nhưng không bắt được dân theo. Nay trò chẳng lo trau dồi đạo mà mong người theo, thì thiên càn vậy ».

Tử-Cống rút lui, Đức Khổng cho vời Nhan-Hồi, Ngài cũng hỏi như vậy, Nhan - Hồi đáp : « Đạo thầy cao-siêu nên thiên-hạ khó theo. Tuy nhiên thầy cứ tiếp-tục mà giảng dạy như thế. Dân không theo, không sao ! Dân không theo càng tỏ ra ta là hiền nhân quân-tử. Nếu ta không chau-chuốt đạo ta thì ta nên hổ thẹn, bằng đạo ta đã chau-chuốt mà đời không dùng thì các bậc vua chúa phải hổ thẹn. Nên đời không theo, không sao, không theo càng tỏ rõ ta là hiền nhân quân-tử ». Đức Khổng vui cười mà đáp : « Thật đúng thế, Nha ơi, người mà giàu ta nguyện làm quản-gia cho người ».

(Khổng-Tử Thế-gia — Sử-ký

Tân Trung học văn khố, trang 89 — 90)

Ngày nay ta bao quát được cả đạo Khổng lẫn đạo Nho, ta lại có các tôn-giáo khác, các nhà triết-gia khác làm tiêu-chuẩn nên rất dễ nhận-định về đạo Khổng.

Trước tiên phải phân biệt đạo Khổng thuần-túy, nguyên-thủy với đạo Nho qua các thời đại. Ta thấy đạo Khổng mới đầu rất đẹp-đẽ nhưng đã bị cắt xén rất là phủ-phàng qua các thời đại.

Nó từ là một đạo vạch cho ta biết Thượng-Đế, vạch cho ta một mối liên-quan giữa tâm-hồn với Thượng-Đế, vạch cho ta con đường cải thiện bản thân để có thể phối hợp cùng Thượng-Đế, nó mất dần cái cao-siêu đó, để lạc-lững vào trong những học-thuyết, lý số phức-tạp đời Tống (1).

Các sai lầm qua các thời đại là như sau :

1.— *Lấy bồn-phận làm mục-đích* : Quên mục-đích cao sang của con người là tu thân để nên hoàn-thiện, có thể phối hợp cùng Thượng-Đế, mà cho rằng mục-đích đời người là tiết tháo, hiếu trung, làm cho đạo Khổng tụt xuống hàng một luân-lý khắc kỷ của Epictète (2), của Alfred de Vigny (3) hay luân-lý bồn-phận của Kant (4), và đây là con người theo Nguyễn-công-Trứ :

Hay tám vạn nghìn tư cũng mặc

Chẳng quân thần phụ tử, chẳng ra người (5)

(1) Nho giáo Trần-trọng-Kim II trang 106

(2) Sứ-mạng văn-ngệ trang 100

(3) Sứ-mạng văn-ngệ trang 63

(4) Sứ-mạng văn-ngệ trang 114

(5) Vương-dương-Minh — Đào-trình-Nhất.

và như vậy là chôn vùi nguyện vọng cao cả con người vào vòng cương-tỏa gia đình và quốc-gia chật hẹp.

2.— *Lấy phương-tiện làm mục-đích* : Đức Khổng dạy dùng lễ để giúp con người trên con đường tu đức, để tiết-chế con người thì hậu nho lại theo lễ là vì đức Thánh dạy, bo-bo giữ những phong-tục cổ-hủ mà không biết rằng phong-tục lễ nghi cũng như kiểu áo, kiểu giày, kiểu tóc, cần được thay đổi theo thời-gian.

Những sự lầm lạc đó phát-sinh ra do nhiều nguyên cớ :

1.— Vì các quan-niệm về trời, người, về mối tương-quan giữa trời người bị đảo lộn hết theo đà tiến-triển của thời-gian.

— Trời từ một đấng quyền phép hữu ngã, cao minh, tuyệt đối, bị Vương-Sung đời Lưỡng-Hán biến đổi thành một sức mạnh mù-quáng (1).

(1) Trời động hành là thì cái khí ra. Cái thế động thì cái khí ra và các vật sinh. Như người động cái khí vậy : thế động thì khí ra và con sinh. Lúc người thì cái khí ra là không phải đẻ sinh con, nhưng khí đã thì ra thì con tự sinh vậy. Trời động không muốn đẻ sinh vật mà vật tự sinh ấy là tự nhiên. Thì cái khí ra, không muốn làm ra các vật, mà các vật tự làm, ấy là vô vi. Bảo trời tự nhiên và vô vi là sao ? Là khí vậy, khí là diêm đạm vô dục, vô vi, vô sự vậy.

(Nho giáo Trần-trọng-Kim II trang 58-59)

bị Tống Nho (Chu Liêm Khê, Trình-Tử) biến thành một vũ-trụ năng, một Lý-thái-Cực (1).

— Hậu Nho, trừ Vương-dương-Minh, không ý-thức rõ rệt được hai phần tách biệt trong tâm-hồn, một phần là phần lương tri cao siêu, một phần là mình cần được giữa mài, quan-niệm rằng tâm hồn là đơn thuần nên lẫn-quần ở trong vòng tính thiện, tính ác. Người thì bảo nhân-loại là tốt, nó xấu là vì xã-hội và tập-quán làm cho xấu (Mạnh-Tử) (2) y như quan-điểm mà Jean Jacques Rousseau chủ-trương trong quyển Contrat Social, người thì bảo rằng con người rất xấu, bản tính nó cong queo vậy-vò, cần được uốn nắn, đánh đập mới trở nên tốt được

- (1) Theo học-thuyết Chu-Liêm-Khê « thì trong vũ-trụ chỉ có Lý-Thái-Cực là nguồn gốc sự sinh-hóa; vạn-vật đều phải có lý ấy mới sinh-hóa được. Vậy nên vạn-vật, bất cứ vật nào cũng có một phần Thái-Cực, nghĩa là vạn-vật và Thái-Cực đồng một thê. Song Thái-Cực là một cái lý đơn nhất, mà theo cái học của Nho giáo thì cái đơn nhất không sinh-hóa được. Sự sinh-hóa cốt ở cái tương-đối như : âm-dương, cương-nhu, v.v... Bởi vậy Trình-Tử nói rằng : Thiên địa vạn-vật chi lý vô độc, tất hữu đối, giai tự nhiên nhi nhiên, phi hữu an bài dã.

(Nho giáo Trần-trọng-Kim trang 118-119)

- (2) Nho giáo Trần-trọng-Kim I trang 220

(Tuân-Tử) (1).

Hơn nữa từ Tuân-Tử thời chiến-quốc tới Vương - Sung đời Hán, tới Nho gia đời Tống, người ta không còn trông thấy điều cao-diệu này là trời chẳng những ở trong vũ-trụ vô-biên, mà còn ngự-trị ngay trong đáy lòng ta, nên cho rằng trời người không thể nào có liên-lạc: trời ở trên muôn trùng, ta ở nơi hồng trần thấp bé này làm sao mà thông-cảm nhau được, việc ai nấy làm (2) Thuyết « Thiên nhân tương dữ » đổi

(1) Nho giáo Trần-trọng-Kim I trang 297

Tuân-Tử chủ ở sự « Kiêu tính », nghĩa là tính người ta là ác, ta phải tìm cách uốn nắn cái tính cho hợp đạo để làm điều thiện.

(2) Cái học của Tuân-Tử chủ sự Tôn sùng việc người làm cốt tiến thủ ở trong cuộc sinh-hoạt của loài người. Cái học ấy tuy có một phần thích hợp với cái học của Nho giáo, nhưng vì ông thiên hẳn về mặt thiên nhân bất tương-quan cho nên thành ra lại khác với cái học của họ Khổng và họ Mạnh. Tuân-Tử muốn rằng người ta chỉ nên biết việc người để làm cho người ta mỗi ngày một tiến bộ thêm chứ không cần biết việc Trời. Vì Trời với người đã không quan-hệ với nhau thì trông cậy ở Trời có được ích gì.

(Trần-trọng-Kim I trang 267)

Vương-Sung nói rằng : « Trời cao đến mấy vạn dặm, giả sử người vênh tai lên trời nghe tiếng nói cách hàng mấy vạn dặm thì sao nghe được Một người ngồi trên lầu cao trông đàn kiến ở dưới đất không thấy, còn nghe thế nào được tiếng đàn kiến .. »

(Nho giáo Trần-trọng-Kim II trang 60)

thành thuyết « Thiên nhân bất tương quan », hay là nếu còn liên-lạc thì chỉ là liên-lạc áp bức, đè nén, như dân gian thường nói : Trời già độc địa, tạo-hóa đa đoan.

Trẻ tạo-hóa đành hành quá ngán

Đắm đuối người trên cạn mà chơi

(Cung Oán)

2.— Sở dĩ có sự kiện đó là vì đời Đức Khổng, văn-tự chưa dồi-dào, từ-ngữ chưa đầy đủ, một chữ phải gánh rất nhiều nghĩa, như chữ mệnh có bốn. năm nghĩa nào là tính mệnh, số mệnh, định-mệnh, sinh-mệnh. Chữ Nhân, chữ Tính, chữ Thành, chữ Lễ cũng chung một số mệnh như vậy. Hơn nữa cách trình bày chương cú không có mạch lạc, các ý tưởng trình-diễn không liên-tục, thành ra không sao mò ra được đầu đuôi.

3.— Lý-do thứ ba là vì Đức Khổng trông thấy chân-lý bằng trực-giác. Đối với Ngài nó rõ ràng sáng tỏ quá nên không cần phải dài dòng chứng-minh. Trái lại hậu nho không thể nào trông thấy, nên cần phải biện-luận mà biện-luận có thể sai, có thể đúng, không biết thể nào cùng, các lập trường đôi khi tương phản nhau như ngày và đêm... (1)

(1) Trong bài tựa quyền Nho giáo Trần-trọng-Kim cũng viết là cái phần tâm truyền đến hết đời Mạnh-Tử thì không ai học được nữa

(Trần-trọng-Kim Nho giáo I XXII)

4.— Một lý-do khác nữa là đời xưa, sách vở chưa dồi dào, các trào-lưu tư-tưởng Đông Tây chưa gặp-gỡ nên không biết theo tiêu-chuẩn nào mà hiểu cho chính xác: mỗi người hiểu một cách, không ai chịu ai; lòng tự-ái làm tối tăm lý-trí.

Tư-tưởng không được khai-triển cho khúc triết, văn-tự chưa đủ giàu để diễn-đạt tư-tưởng cho minh xác, thiếu tiêu-chuẩn ngoại lai để nhận định và phê-bình thì dĩ nhiên phải lầm lạc.

Tóm lại nếu ta quan-niệm rằng:

Đạo hay tôn-giáo là cốt vạch cho ta hiểu biết về Trời, về Thượng-Đế, về tâm-hồn ta, vạch cho ta con đường, cho ta những phương-pháp tu thân để về với Thượng-Đế, còn triết-học là cốt giải thích sự cấu-tạo của vũ-trụ, của con người, mục-dích là vạch một đường lối sinh-hoạt, tiếp nhân, xử thế hoàn-hảo hơn (1), và luân-lý tức là gồm tóm các bổn-phận ta đối với mình, với người, với gia-đình, xã-hội, thì thấy đạo Khổng như đức Khổng dạy và thi-hành là một đạo giáo. Sau này theo đà thời-gian nó bị cắt xén dần, để lúc thì là một triết-học, một học-thuyết, lúc thì là một nền luân-lý.

(1) Định-nghĩa theo Bertrand Russell (Lịch-sử THDP I — 8)

Cho nên nó là một đạo giáo với người nào thi-hành cho đúng, hiểu biết cho tường, một triết-học với người nào chỉ thích kinh dịch lý số, một luân-lý cho người nào chỉ nắm giữ lấy một vài lời cách-ngôn, giáo-huấn, biết đạo Khổng không ngoài chữ tiết-nghĩa cương-thường.

Vậy ta phải xác-định lại tầm quan-trọng của đạo Khổng, tách biệt nó ra khỏi những cái sai-ngoại của đạo Nho, để tìm thấy một con đường đưa tới Thượng-Đế.

Nếu xét đạo Khổng trên lý-thuyết và theo tiêu-chuẩn đạo khác, ta thấy nó chưa thập phần hoàn-hảo vì chưa tìm ra được một phương-diện khác của Thượng-Đế, chưa biết Thượng-Đế là tình yêu vô lượng và tâm-hồn con người phải đem tình yêu mà báo đáp.

Tuy nhiên đạo Khổng là một đạo độc thần :

— Phân biệt rõ Trời và Quỷ Thần.

— Thờ Trời mà chỉ kính Quỷ Thần.

Thận-trọng khi ở một mình vì Trời thấy, lương tâm thấy, mong phối thiên nhưng chủ-trương viển quỷ thần, theo đường ngay nẻo chính (Trung-Dung) mà không tìm tòi hành-động những điều

quái dị (1) muốn lấy cả đời mình làm bài kinh

(1) Kính qui thần nhi viễn chi (Luận-Ngữ Ung giả VI câu 20 trg 92)

— Sách ân hành quái, hậu thế hữu thuật yên, ngô phất vi chi hỷ

(Trung-Dung câu 11 trang 50)

Tử viết : Công hồ dị đoan tư bại dã dĩ

(Vi chính II câu 16 trang 22)

Ý kiến Cha RICCI :

— J'ai noté, écrit-il le 4-11-1595, beaucoup de passages qui sont en faveur des choses de notre foi comme l'unité de Dieu, l'immortalité de l'âme, la gloire des bienheureux etc... (Opere Storiche tome 2 page 207) (Sagesse chiaoise et Philosophie Chrétienne — Henri Bernard Maître Leçon II : Le confucianisme du Père Mathieu Ricci p. 103).

... Bien plus les écrits des lettrés qui sont les plus anciens et les plus considérés n'accordent d'adoration qu'au ciel et à la terre et au Seigneur de ceux-ci. Quand nous avons examiné soigneusement tous ces livres nous n'y avons trouvé que très peu de choses contraires à la lumière de la raison et un très grand nombre qui lui sont conformes, ces ouvrages ne le cèdent à aucun de ceux de nos philosophes naturels. Nous pouvons espérer de la divine miséricorde que beaucoup de leurs anciens (sages) se sont sauvés en observant la loi naturelle avec le secours que Dieu, dans sa bonté, leur aura donné.

(Sagesse Chinoise et philosophie Chrétienne p. 106)

... Les expressions T'ien et Chang Ti Ciel et Souverain Seigneur sont-elles à conserver comme désignant le Dieu des Chrétiens ? La réponse définitive de Rome en 1704 sera : « Non, dites T'ientchou, seigneur du Ciel » « ... D'ailleurs, tous les missionnaires de Chine reconnaissaient que les commentaires de Confucius datant de la dynastie des Song étaient franchement matérialistes et athées. « mais beaucoup affirmaient que le texte original pouvait et parfois devait être compris dans un sens orthodoxe. Autrement dit, derrière ou au-dessous de la « discussion des termes » se posait ce problème de méthode « Faut-il se référer aux commentateurs ou au texte original pour connaître la vraie pensée de Confucius ? » (ibidem page 111)

nguyện trường thiên : « Khâu chi đảo cửu hĩ » (1), theo đường tu đức để nên quân-tử, nên thánh hiền, kết hợp với Trời (2), tin rằng tinh anh con người chết rồi có thể về chốn chiêu-minh rực-rỡ (3).

Ngoài ra nó cũng có nhiều khía cạnh cao-siêu : Chủ-trương « Thận-trọng lúc ở một mình » (4) là một chủ-trương đạo hạnh thuần-túy, vì chỉ có người đạo đức mới kiểm chế được mình ở những chỗ không người (5).

(1) Luận-Ngữ Thuật Nhi VII câu 34 trang 116

(2) Khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ (Trung Dung trang 76)

(3) Tử tất qui thồ, cốt nhục tề ư hạ, âm vi dã thồ, kỳ khí phát dương ư thượng vi chiêu minh. (Lễ ký : Tế nghĩa XXIV Nho giáo Trần-trọng-Kim I trang 92)

(4) Cổ quân tử tất thận kỳ độc (Đại-Học câu 5 trang 16)

— Thị cổ quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn, mạc hiên hồ ần mạc hiên hồ vi. Cổ quân tử thận kỳ độc giả. (Trung-Dung câu 1 trang 40)

Thị văn : — Tướng tại nhi thất

Thượng bất quý vu ốc lậu

— Mái Tây Bắc một mình vắng vẻ

Đừng làm chi đáng để hổ người

(Trung-Dung câu 33 trang 94)

(5) ... L'homme véritablement religieux est celui qui ne commet aucun péché, même quand il est seul, parce qu'il sent que Dieu le regarde même si nul homme ne l'observe. Celui qui peut résister aux tentations d'une femme jeune et séduisante dans une forêt solitaire lorsqu'aucun oeil humain ne peut le voir, et qui par crainte d'être vu de Dieu, ne jette pas un regard immoral à cette femme, est véritablement un homme religieux. Celui qui trouve un sac plein d'or dans une maison écartée et inhabitée et qui résiste à la tentation de se l'approprier est un homme vraiment religieux...

(L'enseignement de Ramakrishna page 143, 144)

Xét về phương-diện thực-hành, thì đạo Khổng là một đạo ít hương nhang, van-vái, không mục-sư, chẳng có tăng ni, một đạo thâm lặng và kín đáo, một mình mình biết (1), một mình mình hay, nên dĩ nhiên nó quá cao-siêu, khó phổ cập trong quần-chúng. Trên thực-tế những người mệnh danh theo đạo Khổng, thực ra thường mới theo luân-lý Khổng giáo.

Xét học-thuyết Khổng-Tử về phương-diện chính-trị ta nhận thấy :

(1) Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân tử hồ.

(Học-Nhi I câu 1 trang 4)

— Bất hoạn nhân chi bất kỷ tri ..

(Hiển văn XIV câu 32 trang 228)

— Tử viết : Mạc ngã tri dã phù : Tử-Cống viết : Hà vi kỳ mạc tri tử dã ? Tử viết : « Bất oán thiên, bất vu nhân, hạ học nhi thượng đạt. Tri ngã giả kỳ thiên hồ (Hiển Văn XIV câu 37 trang 230)

— Tử viết : Quân tử bệnh vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỷ tri dã.

(Luận-Ngữ Vệ-Linh-Công XV câu 18 trang 246)

La religion du silence et du secret est la seule vraie religion, mais la religion où l'on trouve de la vanité et de la vantardise n'est qu'une fausse image et une parodie de la vraie religion.

(L'enseignement de Ramakrishna page 143)

Ngài tuy chủ-trương một nền quân-chủ, nhưng là một nền quân-chủ đặc-biệt, vua thì lấy đức mà cảm-hóa, còn hiền tài sẽ lập phương-pháp trị dân, một nền quân-chủ truyền từ hiền tài này sang hiền tài khác như thời Nghiêu, Thuấn, Vũ như vậy nó rất gần với chế-độ Tổng-Thống.

Ngài trọng vương quyền, nhưng khinh bậc vương giả không xứng đáng, và tôn-chỉ của sách Xuân-Thu là người nào danh phận không chính đáng thì dầu có chức phận gì cũng chỉ chép có tên tục (1).

Ngài chủ-trương: Cần cải-tạo con người mới mang lại hòa-bình cho nhân-loại. Đó là một chủ-trương mà các danh-nhân kim cổ đều đề xướng

Platon ở chân trời Âu sau Đức Khổng chừng 100 năm, cũng viết : « Nực cười thay các pháp-gia... họ lập luật và sửa luật luôn, mong chấm dứt được những sự gian ngoan trong nhân loại, nhưng họ có biết đâu công việc họ y như là chém con mãng-xà trăm đầu ». (Plaisantes gens qui établissent les lois... et amendent sans cesse dans l'espoir qu'ils mettront un terme aux perfidies qui se commettent dans les conventions entre hommes, ils ne comprennent

(1) Nho giáo Trần-trọng-Kim trang 196

pas qu'en réalité c'est comme s'ils coupaient les têtes d'un hydre) (426 Platon — Vie et doctrines des Philosophes Will Durant 37)

Và gần đây Lecomte du Nouy cũng đã viết như sau trong quyển định-mệnh con người : « Hòa-bình phải xây-dựng trên một nền tảng khác : cải-tạo tâm-hồn con người, chứ đừng vội thiết lập những kiến-trúc bên ngoài. Như đã nói : nguồn gốc chiến-tranh, nguồn gốc tội ác đều ở trong chúng ta, không một thứ thành-trị nào bảo-vệ công hiệu, nếu cứ để sống kẻ thù địch ẩn kín trong đáy lòng ta (1) ».

Thánh Gandhi cũng nói : « Bài học duy nhất mà các nước Âu-Châu gửi cho Hoàn-Võ viết bằng chữ lửa là sự bạo tàn không thể đưa tới hòa-bình, hạnh-phúc, và chủ-trương tàn-bạo không làm cho họ, cũng như những dân-tộc tiếp-xúc với họ, sung sướng hơn, tử-tế hơn (2).

Phương-pháp trị dân của Ngài xây trên một nền tảng nhân vị vững-chãi. Trọng dân, thương dân, dạy dân làm điều hay lẽ phải, cố tránh

(1) Quan-diêm về mấy vấn-đề văn-hóa trang 23 (Phạm-việt-Tuyền)

(2) La vie de Gandhi par Camille Drevet page 141

hình phạt, cố tránh tàn sát dân (1).

Nó đẹp-dễ biết bao nếu ta sánh nó với chủ-trương của Lão-Tử: yêu quốc-gia chứ không cần xét tư nhân, coi người như chó cỏ (2) và trị dân phải làm cho óc rộng, bụng đầy, xương cốt chắc mà chí-khí yếu (3).

Nó nhân-dạo biết bao, nếu so-sánh với chủ-trương Tuân-Tử, Hàn-Phi-Tử, Thương-Uởng: coi người đều là bất-lương, phải ngăn dân như làn nước hỗn-độn, cho ăn no như thú vật và khai-thác như đồng ruộng, núi rừng, chủ-trương cai-trị phải có luật rõ-ràng, bàn tay đao-phủ một bên và túi tiền một bên, không bao giờ được thương xót... (Il faut endiguer le peuple comme une eau capricieuse, le nourrir abondamment comme les animaux domestiques, l'exploiter savamment com-

(1) Luận-Ngũ Nhan Uyên đệ thập nhị câu 18 trang 190, Tử-Lộ XII câu 9 trang 202

(2) Thiên địa bất nhân dĩ vạn-vật vi xô cầu (Đạo-Đức Kinh Nghiêm-Toản trang 27 chương V.

Histoire des Croyances religieuses Wieger page 154.

(3) Ibinem Wieger page 154

Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt .. (Đạo-đức kinh Nghiêm-Toản chương III trang 18)

me les prés et les bois. Pour qu'un gouvernement soit solide, trois choses sont requises et suffisantes: une loi claire, la hache de l'exécuteur, des récompenses pécuniaires. Surtout jamais de clémence qui ne sert qu'à multiplier les délits. Que tout délit qualifié subisse la peine légale. Que toute mérite constaté reçoive la récompense légale. Jamais ni pardon, ni amnistie. Alors tout ira bien (1)

Xét về phương-diện triết-học, quan-niệm «Thiên nhân tương dưỡng» của Khổng-Giáo (vi ý của sách Xuân Thu) làm ta liên-tưởng đến chủ-trương của Kierkegaard, vì Kierkegaard cũng cố đi sâu vào nội-tâm để tìm cho ra đấng tuyệt-đối mà tư-tưởng ta quay-cuồng chung quanh như ngáy-ngất, mê-say nhưng không bao giờ đạt tới (2), liên-tưởng tới quan-niệm nhị nguyên về tâm-hồn con người của thi-hào Tagore, liên-tưởng tới công-trình của thi-hào đã cố vẫy vùng hoạt-động để

(1) Wieger (Histoire des croyances religieuses page 248)

(2) Chez Kierkegaard l'être, c'était l'autre absolu autour duquel notre pensée tourne comme fascinée sans jamais pouvoir le saisir (Les philosophes de l'existence Jean Wahl page 64)

phát-huy đức Thượng-Đế của đáy lòng (1).

Lý-thuyết triết-học này rất tế-nhị và khó bàn cãi. Ta chỉ nên dùng lời triết-gia Kierkegaard nhận-định như sau :

Tất cả rút cuộc phải dựa trên một thỉnh-lý, nhưng nếu ta sống theo thỉnh-lý đó, nó sẽ không còn là thỉnh-lý nữa (Tout , doit finalement se fonder sur un postulat, mais dès qu'on vit en lui, il cesse d'être un postulat (Les philosophies de l'existence Jean Wahl page 25). Hay dùng lời thơ của Vương-duyên-Minh mà quảng-luận :

*Sao thắc mắc, lo suốt ngày suốt buổi
Sao học-hành bàn cãi mãi làm chi ?
Bao nghi-nan, mâu-thuẫn của vấn-đề,
Dùng trực-giác sẽ phá tan trong chốc lát.*

(1) « Tích-dương-ca phóng ra cho ta thấy rõ một quan-niệm nhị nguyên về con người :

- 1) bản ngã trường-cửu (Jivanderata)
- 2) bản ngã nhất thời

... Bản ngã trường cửu là cả một cơ-sở vững chắc nó đã thành hân thể bất biến và nội quan, đã chỉ-huy tất cả địa hạt tinh-thần và siêu-hình con người... Thi-hào đã vẫy-vùng hoạt-động để phát-huy đức Thượng-Đế của cõi lòng.

(R. Tagore — Phau-lạc-Tuyên trang 37)

*Lòng người có chỉ nam-từ sơ phát,
Trong lòng người, đã sẵn sẵn muôn trùng
Có mọi sự trong kho báu đáy lòng
Sao ta vẫn ăn xin từng bữa ngõ (1).*

Như vậy triết-học Không-Giáo công nhận lương-tâm là một tiêu-chuẩn hoàn-thiện bất biến, và các sự sai biệt trên thực-tế về luân-lý là do lý-trí, đã bị dục-vọng che mờ, hiểu sai lầm trong khi thấu nhận, giải-thích các mệnh-lệnh lương-tâm, vì thế chủ-trương gạt dục khơi trong, lắng lòng xuống để nghe tiếng lương-tâm cho tường

(1) Pourquoi vous tourmenter ainsi à longueur de journée ?

Pourquoi tant lire, tant étudier tant discuter ?

Toutes les incertitudes et les contradictions des Maîtres,
le savoir inné les tranche en un moment.

De naissance, tout homme a une boussole dans son
coeur ou mieux, il a, dans son coeur même, la racine
et la source de tout.

Alors que vous avez tout dans votre trésor,

Pourquoi quêtez-vous des miettes de porte en porte ?

(Sagesse chinoise et philosophie Chrétienne page 87)

tận (1).

Tóm lại học-thuyết Khổng-lử, cũng như học-thuyết Vệ-Đà bên Ấn-Độ, có tính cách siêu-nhân hóa cá-nhân (2). Nó có tính cách hướng nội, quay về với thâm-tâm không phải nguyên là để biết mình theo chủ-trương Socrate, mà còn là để tìm cho ra Thượng-Đế, căn nguyên vũ-trụ, tìm cho ra ánh-sáng, cho ra hình ảnh Thượng-Đế trong đáy lòng mình. Nó khác với các « triết-học tây-phương, đối với vũ-trụ khác nào như đứa trẻ mồ côi mẹ từ lúc lọt lòng, lớn lên đi tìm người mẹ đã mất, tuy trong bụng vẫn biết rõ là không thể thấy được, nhưng cũng mong cầu được thấy tấm hơi, tin-tức, thì đã lấy làm mãn nguyện (3) ».

(1) La vérité n'apparaît que dans l'intelligence concentrée, vide et calme. Elle se manifeste dans une intuition soudaine, qui dissipe comme un éclair l'ignorance et le doute. — Telle une eau parfaitement limpide et tranquille. Qui se penche sur elle, y voit son image reproduit instantanément et dans les moindres détails, aucun poil de la barbe ne manquant. Que si l'eau est quelque peu trouble, ou si le vent en ride tant soit peu la surface, on voit une image floue, une grimace, ou même rien du tout. (Tuân-Tử Thiên 21 — Wieger Histoire des croyances religieuses page 272 .

(2) Lịch sử triết-học Đông-phương I trang 24

(3) Lịch sử triết-học Đông-phương I trang 17

Học-thuyết Không-Tử, cũng như triết-học Ấn-Độ, khác với triết-học âu-tây cận-đại, không cốt thăm dò suông mà cốt thăm dò để *biến đổi, thay đổi triết-đề bản tính của loài người* và đồng thời canh-tân cách thức hiểu biết về thế-giới bên ngoài và chính sự thực-hữu tồn-tại của mình, sự biến đổi càng hoàn-toàn càng hay, và nếu thành công, nó sẽ đưa đến một *biến cải, chuyển-hóa hoàn-toàn, một tái-tạo phục-sinh* (1).

Quan-niệm kỳ-diệu nói trên, tính cách hướng nội nói trên và khuynh-hướng tìm hiểu tâm-hồn để cải-thiện tâm-hồn đó đã làm cho Á-đông xưa nay tự-hào được là về phần tư-tưởng, phần quan-niệm nhân-sinh vẫn có gì sâu-sắc tế nhị hơn Âu-Châu (2).

(1) Lịch-sử triết-học Đông-phương I trang 35

(2) ... Ainsi au XIII^e siècle, Saint Thomas d'Aquin osant « christianiser » Aristote, fut-il attaqué par le franciscain Jean Peckham, déclaré suspect par le chapitre général de son ordre et encore enveloppé dans la condamnation de l'avéroïsme par l'évêque de Paris ! « Unité de Dieu plus clairement exprimée, création du monde, contingence radicale des créatures, mise en valeur de la présence humaine » voilà autant de vérités d'origine chrétienne que le Docteur angélique incorpora rationnellement dans la métaphysique du philosophe grec. Ricci ne procéda pas différemment vis-à-vis de Confucius. Après sa mort, il fut violemment blâmé par les uns et vigoureusement approuvé par les autres.

(Sagesse chinoise et philosophie chrétienne page 109)

Nhưng xét về phương-diện thực-tế thì ta thấy đạo Khổng nguyên-thủy đã bị nhiều tang thương biến đổi. Từ một học-thuyết tôn-sùng Thượng-Đế, nó biến thành vô thần, từ một học-thuyết chú-trọng đến cải-tạo tâm-hồn và cải-thiện hoàn-cảnh vật-chất, nó rút lại còn một nền luân-lý suông.

Ta nhận thấy, ở trong dân-gian, đạo Khổng bị mất hết phần lý-thuyết cao-diệu, mà chỉ còn tồn-tại phần thực-hành ; thực-hành mà thiếu lý-thuyết chống đỡ thì không thỏa-mãn được lý-trí của những người yêu suy-luận ; hành-vi cao đẹp mà mục-đích tầm thường, thì phao-phí hết giá-trị của hành-vi. Dầu sao mấy nghìn năm qua, nhờ nền luân-lý Khổng-Tử mà dân chúng cũng đã vươn mình lên tới chỗ thanh-tao, không hoàn-thiện được mình để nên thánh nhân, nhưng ít ra cũng cải-hóa được mình thành quân-tử.

Về phương-diện chính-trị, thực ra các triều-đại chưa bao giờ áp-dụng hoàn-toàn học-thuyết Khổng-Tử vì Đức Khổng thay vì dạy chà đạp, bóc lột nhân-dân như Hàn-Phi-Tử, thay vì cho phép nhà cầm quyền yêu nữ-sắc như Quản-Trọng đã cho phép Tề-Hoàn Công, lại dạy nhà cầm quyền phải tu sửa mình, phải làm gương sáng, phải biết thương dân như con, phải biết

xây-dựng thay vì tàn phá (1).

Nhưng y như người làm cân, làm thước không thể nào không làm đúng, không thể nào làm cân làm thước cho hợp với lòng gian tham xảo-quyết con người, Đức Khổng lập nên một học-thuyết cũng phải dựa trên những chân lý bất-diệt, dân theo hay không, tin hay bỏ đó là một vấn-đề khác. Ngài chỉ biết lập đạo ra để « cho mình theo, mong phổ-cập vào dân chúng, sánh với đường lối ba Vua Vũ, Thang, Văn, thấy không sai, so với định-luật, tiêu-chuẩn trời đất thấy không khác, dám đem bọc bạch với quỷ thần mà không ngại, dầu trăm đời sau có thánh-nhân ra đời cũng không thể ngờ vực mình (2) ».

(1) Dân dĩ quân vi tâm, quân dĩ dân vi thê, tâm trang tắc thê thư, tâm túc tắc dung kính. Tâm hiếu chi, thân lất an chi. Quân hiếu chi, dân tất dục chi. Tâm dĩ thê toàn, diệc dĩ thê thương. Quân dĩ dân tồn diệc dĩ dân vong.

(Lễ ký Trung Y XXXIII Nho giáo Trần-trọng-Kim I trg 169)

(2) Cổ quân tử chi đạo, bốn chữ thân, trùg chữ thứ dân. Khảo chữ tam vương nhi bất mậu, kiến chữ thiên địa nhi bất bội, chất chữ quỷ thần nhi vô nghi, bá thể dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc.

(Trung-Dung trang 86)

Tóm lại, Đức Khổng đề xướng ra một nhân - sinh - quan rất hợp lý : lý-trí và ý-chí phải phục vụ tâm-hồn, tâm-hồn theo tiếng lương-tâm tìm về Thượng-Đế. Đức-độ phải là nền tảng cho đời sống gia-đình, xã-hội, nhưng cải-thiện hoàn-cảnh sinh-hoạt cũng rất cần yếu (1).

Chủ trương này siêu-việt hơn các quan-niệm triết-học cận-đại, quên đạo-đức mà chạy theo tư-tưởng, ban đầu ngỡ tư-tưởng giải-phóng nhân-loại, tư-tưởng đưa tới hạnh-phúc tự-do, ai ngờ :

Giắc nam-kha khéo bất bình,

Bừng con mắt dậy, thấy mình tay không.

Bừng con mắt dậy thấy tư-tưởng đang chia rẽ nhân-loại thành hai phe thù địch.

Nó cũng siêu-việt hơn những quan-niệm « Người Hùng » « Phong trần mài một lưỡi gươm », vì võ lực chỉ đưa tới bạo tàn, lăm than thống-khổ.

(1) Thành giả phi tự thành kỳ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã ; thành kỳ nhân dã, thành vật trí dã. Tính chi đức giả, hiệp nội ngoại chi đạo dã. Cố thì thổ chi nghi dã. (Trung-Dụng câu 25 trang 78)

« Nhất tướng công thành, vạn cốt khô ». (Một tướng thành công muôn xương khô héo).

Trung-Dung cho đạo-đức tu thân là căn-bản, còn mọi sự là tùy thuộc ngọn ngành. Cái gốc mà loạn thì ngọn không bao giờ trị. Đó là câu trả lời cho những ai cho tự-do và hạnh-phúc cá-nhân là cứu cánh nhân loại.

Tự-do hạnh-phúc nó chỉ là kết quả của sự tu thân. Nếu người ta sinh ra cốt để tìm tự-do, thì nhân-loại sẽ tiến tới phóng túng dục-tình, bê-tha truy-lạc. Nếu con người sinh ra cốt để tìm hạnh-phúc cá-nhân, hạnh-phúc vật.chất, thì hạnh-phúc người này sẽ xây trên đau-khổ kẻ khác.

Ngày nay văn-minh phát-triển, khoa-học phát-triển, con người có những điều-kiện sinh-hoạt thuận-tiện hơn, nhưng dần-dà con người chỉ còn sống hời-hợt ngoài bì-phụ, sống bằng cảm.giác, ưa tìm thú vui trong những khoái cảm tân.kỳ, còn tâm-hồn thì hoang phế trống-rỗng dần. Đó là vì người ta quá khinh khi những chủ-trương đạo hạnh.

Ngày nay học.vấn phát-triển muôn mặt, kiến-vấn một ngày một thêm chi-li phiền toái, cao-siêu và sâu-sắc, óc chất ngày một mở-mang nhưng đồng thời tâm-hồn ngày càng nhỏ-nhen lại, đó

là vì người ta quá xao lãng cuốn sách lương-tâm. Nhưng thực ra theo Khổng giáo kiến-thức có hai: một kiến-thức thiên phú ghi trong cuốn sách lương-tâm, và một kiến-thức do kinh-nghiệm kiến-văn ghi trong sách vở nhân-loại, trong trường đời. Kiến-thức thiên phú của lương-tâm cốt để cải-thiện tâm-hồn, đưa con người tới chỗ thánh-hiền, về cùng Thượng-Đế, kiến-thức nhân-tạo cốt để chi-phối vật-chất, cải-thiện hoàn-cảnh sinh-hoạt, cho đời thêm tươi đẹp. Chạy theo kiến-văn mà lãng quên tiếng lương-tâm là đi đến chỗ diệt-vong, hủy-hoại của tâm-hồn. (Science sans conscience n'est que ruine de l'âme) (1).

Nhân-loại trong vòng hai thế-kỷ nay đã cổ đả phá Thượng-Đế, đả phá đạo giáo, đả phá luân-lý cổ-truyền, đề-xướng lên nhiều chủ-nghĩa mới cho là lý sự, hợp thời.

Khoa-học tưởng sẽ mang lại tự-do hạnh-phúc cho nhân-loại, nhưng cũng trong vòng hai thế-kỷ nay, biết bao nhiêu triệu sinh-linh đã bị chà đạp trong chế-độ thực-dân áp bức, thế-giới đã mầy

(1) Thành minh sở tri, nãi thiên đức lương tri, phi văn kiến tiếu tri nhi dĩ: Cái biết của lương tri là biết sáng suốt hoàn-hảo, không thiên cận như cái biết của kiến văn. (Nho giáo Trần-trọng-Kim II trang 137)

lần rạn vỡ vì chiến-tranh tàn phá, và hiện nay nhân-loại như luôn đứng trên bờ vực thảm diệt vong, như luôn sống dưới lưỡi gươm bén của Damocès.

Con người thời mới, con người của tự-do sau khi đã vứt bỏ hết mọi tiêu-chuẩn, mọi căn-bản siêu-linh, đã chơi vui luân lạc trong một đêm tối trời, không tín-ngưỡng, không chủ-nghĩa, nên không lạ gì khi gió bão tà-thuyết nổi lên, họ bị cuốn đi như những cánh lá khô.

Các văn-sĩ quốc-tế hiện đại như Debu Bridel người Pháp, Georges Orwell người Anh cổ cảnh-tỉnh mọi người. Các ông vạch rõ rằng : Cái thế-giới đại đồng mơ tưởng thực ra « sẽ chỉ là thế-giới của sợ hãi, một thế-giới trong đó người ta dày xéo lên kẻ khác, và trong đó người ta cũng bị kẻ khác dày xéo lên, thế-giới của nền văn-minh xây-dựng trên hận thù, và muốn rõ tương-lai con người trong thế-giới đó, hãy tưởng-tượng chiếc giày danh đưng giẫm lên mặt người và đời đời như thế ». (Mai-Xuyên) (Walter Allen Echo No 41).

« Tương-lai, khoa-học có ích gì cho tôi nếu giá-trị con người tôi bị phủ nhận, nếu con tim tôi thiếu tình yêu, nếu khối óc tôi bị ràng buộc ». Và đây là tiếng lòng của thi-sĩ Hung-gia-Lợi Karoly

Jobbagy (Budapest 8 — 56).

*Đừng nói với tôi về những chuyến tàu
viễn-du.*

*Về một chuyến du-hành lên Nguyệt Tinh
hay Sao Hỏa.*

Đừng nói với tôi về cuộc đời nguyên-tử.

Chính ở đó chúng tôi sống như vậy :

*Trong đêm tối, trong bùn lầy và xa rời
tất cả.*

Chúng tôi đều là những Anh Hùng

Chen chúc trong những ngục tù chật quá.

Miệng nhai những hạt bi hạt bầu,

Chất đông nhiều như cặn bã.

Đừng nói với tôi ở Châu-Phi là khổ.

Tôi ở Châu - Âu, trắng da lơ-lộ,

Nhưng ai sẽ ôm tôi vào cánh tay

Để chứng-minh tôi là người chứ ?

(Chế - Vũ)

(Quê-Hương số 4 trang 53 tháng 10-59)

Cho nên sống ở thế-kỷ văn-minh vật-chất này, nhất là trước hiểm họa của làn sóng vô thần quá khích, chúng ta càng phải dừng bước lại phút giây trên đường đời, quay về học-thuyết của tiền nhân để thấu lượm lấy những tinh hoa. Chúng ta cứ lợi dụng khoa-học văn-minh Âu-

Mỹ đề cải-tạo hoàn-cảnh sinh-hoạt, nhưng đồng thời phải làm sống động lại văn-minh tinh-thần Á-Đông bằng cách nên chú-trọng tới đạo-đức, tâm-hồn.

Chúng ta cứ hăng-hái cải-tiến xã-hội, khuếch-trương kinh-tế hùng mạnh-hóa quốc-gia nhưng đồng thời phải tôn-trọng quyền lợi và nhân-phẩm mỗi cá-nhân đúng theo tinh-thần Không giáo.

Chúng ta hãy trở lại với những tinh-hoa của học-thuyết Không-Tử, một học-thuyết mà những điều căn-bản đã ghi không phải trong Trung-Dung, Đại-Học, Luận-Ngũ, nhưng chính đã ghi trong quyển sách lương-tâm mỗi người.

Chúng ta sẽ :

1.— Tìm hiểu cho chính xác mục-dích đời người.

2.— Hoàn-thiện bản thân, chú-trọng về cả ba phương-diện tâm-tình, lý-tri và chí-khí.

3.— Cải-tiến mình, tin-tưởng ở sức mình, cải-tiến gia-đình, quốc-gia xã-hội trên nền tảng nhân-vị, nhân-ái, tích-cực góp phần và công cuộc xây-dựng hòa bình trật-tự chung để tiến tới một tương-lai sán-lạn.

« Quân-tử tiến đức tu nghiệp », tiến-bộ, tiến-bộ không ngừng, tương-lai sán-lạn là ở trong tay chúng ta.

Lược kê sách tham-khảo

Việt-văn

Tác-giả

- | | |
|--|----------------------|
| — Nho giáo | Trần-trọng-Kim |
| — Không-học-Đặng | Phan - bội - Châu |
| — Lịch-sử triết-học Đông-phương | Nguyễn-đăng-Thục |
| — Thượng-Đế trong Nho-giáo | Bùi - hữu - Ngạn |
| — Nho-giáo một triết-lý chính-trị | Nguyễn - hiến - Lê |
| — Vương-dương-Minh | Đào - trinh - Nhất |
| — Không-giáo với Đào-duy-Anh | Nguyễn - uyển - Diễm |
| — Phật-giáo | Trần - trọng - Kim |
| — Biện-chứng giải-thoát
trong Phật-giáo | Nguyễn-văn-Trung |
| — Lão-Tử | Ngô - tất - Tố |
| — Quan-diêm về mấy vấn-đề
văn-hóa | Phạm - việt- Tuyên |

- **Sứ-mệnh văn-ngệ**
- **Dân-luật khái-luận**
- **Triết-lý văn-hóa khái-luận**
- **Tâm-lý quần-chúng**
- **Cái đúng của thánh-nhân**
- **Trung-Hoa sử-cương**
- **Trung-Quốc sử-lược**
- **Người xưa**
- **10 điều tâm-niệm**
- **Quan-niệm nhân-vị qua các học-thuyết**
- **Đông-Lai bác nghị**
- **Không-Tử học-thuyết**

Pháp - văn

- **Pensée de Gandhi**
- **Vie et doctrines des Philo-
sophes**
- **Sagesse de Confucius**

Nguyễn - nam - Châu

Vũ - văn - Mẫu

Nguyễn-đăng-Thục

Nguyễn.văn-Khang

Nguyễn-duy-Cần

Đào - duy - Anh

Phan - Khoang

Trần - đình - Khải

Hoàng - Đạo

Phạm - thiếu - Sơn

Lả - đông - Lai

Lê-văn-Hòe

Tác - giả

Camille Drevet

*Will Durant (Payot
Paris)*

*Linyutang (Victor
Attinger)*

- **Histoires des Croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine** *Wieger*
- **La conception confucéenne de l'homme** *Trần-văn-Hiến-Minh*
- **Confucius** *Alexis Rygaloff*
- **Histoire de la Chine** *René Grousset*
- **Socrate sa vie et son temps** *Antonio Towar*
- **La Chine** *M. Percheron*
- **Présence du Bouddhisme** *France-Asie*
- **Les pages immortelles de Confucius** *A. Doeblin*
- **L'histoire de la littérature chinoise** *G. Margoulies*
- **La religion des Chinois** *M. Granet*
- **De Confucius à Lénine** *R. Magnenoz*
- **Sagesse chinoise et philosophie chrétienne** *H. B. Maître*
- **Mystique d'Orient et Mystique d'Occident** *René Otto*
- **L'Enseignement de Ramakrishna** *Jean Herbert*
- **Caractères chinois (étymologie graphies lexiques)** *Léon Wieger*
- **L'existentialisme (Collection que sais-je)** *Foulquié*
- **Les philosophies de l'existence** *Jean Wahl*
- **La Sainte Bible** *Chanoine Crampon*

Hán - văn

- Sử - ký
- Tuân-Tử
- Trung-Quốc cổ đại chính-trị gia
- Trung-Quốc văn-học sử đề yếu
- Lễ-ký
- Đại-lục tạp-chí
- Trung-Quốc triết-học sử
- Trang-Tử
- Thi kinh
- Quốc-Sử đại-cương
- Trung-Quốc học thuật tư-tưởng đại-cương

Hán - Việt

- Pháp bảo đàn kinh
- Đạo-đức kinh
- Tứ Thư
- Kinh Thi
- Đường Thi

Tác - giả

- Hồ - hoài - Sâm
- Diệp-thiệu-Quân
- Tần-cảnh-Dương
- Dương-đạt-Chi
- Diệp-thiệu-Quân
- XIII kỳ 12 ngày
31-12 Trung-Hoa
Dân Quốc năm 45
- Tần - đồng - Tạ
- Thẩm-đức-Hồng
- Mâu - thiên - Thụ
- Tiền - Mục
- Lâm - Doãn

Tác - giả

- Lục Tổ Huệ Năng
(Linh Sơn Phật Học
Tùng Thư ấn-hành)
- Nghiêm - Toản
- Đoàn-trung-Còn
- Tản - Đà
- Trần-trọng-Kim

Hán - Pháp

— Textes historiques

Tác - giả

Wieger

Hán - Latin

— Cursus litteraturae sinicae

P. Angelo Zottoli SJ

— Dictionarium Sinicum latinum

Couvreur

Anh

— The Social philosophers

Saxe Commins D.

Robert N. Linscott

— Three ways of thought
in Ancient China

Arthur Waley

— The Wisdom of Confucius

Lin Yutang

— A. Source Book in Indian
Philosophy

Sarvepalli

Radhakrishnan

and Charles

A. Moore

Bảng Định Chính

NHỮNG CHỮ IN SAI

Số trang	Số giòng	CHỮ IN SAI	SỬA LẠI CHO ĐÚNG
6	4	hiều Vương triều ;	hiều Vương triều,
9	3	Bất khả vĩnh ti.	Bất khả vĩnh ti
12	14	Mãn-Công	Mãn-Công
23	17	« Đạo Ngài dễ truyền bá	« Đạo Ngài dễ truyền bá
25	5	Phân tách tâm-lý mình, người	Phân tách tâm-lý mình, người,
—	13	(Chính Nhi Thượng Học)	(Hình Nhi Thượng Học)
—	23	Lão Bành.	Lão Bành.
27	12	Hoàn Hào đó nguồn gốc,	Hoàn Hào đó là nguồn gốc,
31	14	Luận-Ngũ.	Luận-Ngũ,
—	17	con người.	con người,
—	19	so sánh.	so sánh,
32	13	giữa mài,	giữa mài,
33	15	hồ kỳ	hồ kỳ
—	19	cặp giả,	cặp giả,
35	2	là tự Tính	là Tự Tính
39	14	La conscien e	La conscience
—	15	L'esse tialisme	L'essentialisme
—	20	transcendence	transcendance
42	23	Khổng-Tử giảng tụng	Khổng-Tử giảng tụng
45	17	l'esprit sur le Pricipe,	l'esprit sur le Principe,
46	4	chân-lý	chân-lý
48	32	xuất tính)	Suất tính)
51	25	thiên hạ chỉ đạt đạo đã	thiên hạ chỉ đạt đạo đã
56	14	chỉ ư chí thiên	chỉ ư chí thiên
57	15	Tề Ngã vấn viết :	Tề Ngã vấn viết :
58	25	xuất môn như kiến, đại tân,	Xuất môn như kiến đại tân,
65	17	kỳ sở do lại giả tiệm hĩ.	kỳ sở do lại giả tiệm hĩ.

Số trang	Số giòng	CHỮ IN SAI	SỬA LẠI CHO ĐÚNG
69	17	phát thó dă.	phát thổ dă.
71	17	bất khả nhi vi	bất khả, nhi vi
72	16	Tri sĩ cân hồ đồng.	Tri sĩ cận hồ đồng.
75	15	tử cầu chư ký	tử cầu chư kỷ
77	4	lễ-nghi	lễ-nghĩa
78	19	vị nhập ư thất hĩ	vị nhập ư thất hĩ »
80	14	Tử viết : Nguy hồ !	Tử viết : Nguy nguy hồ !
—	23	Dương Phu vi sĩ sự,	Dương Phu vi sĩ sự,
—	24	Thượng nhất kỳ đạo,	Thượng thất kỳ đạo,
—	24	dân tán cửu hỹ.	dân tán cửu hỹ.
93	16	Dục nhân chi	Dục nhân nhi
95	28	Psauem	Psaume
97	5	« Trong ta có tính trời, theo tính trời đó là giữ đạo.	« Trong ta có tính trời, theo tính trời đó là giữ đạo. »
—	8	cải nhi chi.	cải nhi chi.
—	18	một phần biến nhiên	một phần biến thiên
99	10	réfféter	réfléter
107	21	Nha ơ,	Nhan ơ,
109	25	mà các vật tự làm,	mà các vật tự làm,
111	15	Tôn sùng	tôn sùng
115	25	seigneur	Seigneur
127	17	lất an chi	tất an chi
—	21	trùng chư thứ dân	trùng chư thứ dân

In tại nhà in **NGUYỄN - HỮU - UẦN**
36 — Đại-Lộ Hùng - Vương — 36
ĐÀ - NẴNG

Kiểm-duyet số 7691/HĐKD — Huế
ngày 29 tháng 3 năm 1960

TỜNG PHẮT - HẦNH
Nhà sách NHƯ - Ỡ
314, Võ-di - Nguy Phú-Nhuộn
SAIGON

Giá nhất-định 30\$